

C. ĐỀ MINH HỌA

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề gồm có 03 trang)

BÀI ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KỲ II NĂM HỌC

Môn: TOÁN – Lớp: 6

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Chọn chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng trong các phương án A, B, C, D ghi vào bài làm của em.

Câu 1. (TN1- NB) Trong các cách viết sau đây, cách viết nào cho ta phân số?

A. $\frac{0,1}{2}$

B. $\frac{4}{0}$

C. $\frac{12}{5}$

D. $\frac{1,2}{0,13}$

Câu 2. (TN2- NB) Số đối của phân số $\frac{-3}{11}$ là phân số nào sau đây?

A. $\frac{-11}{3}$.

B. $\frac{11}{3}$.

C. $\frac{3}{11}$.

D. $\frac{11}{-3}$.

Câu 3. (TN3- NB) Tìm tất cả các hình có trục đối xứng trong các hình sau. (Bỏ)



a)



b)



c)



d)



e)



g)

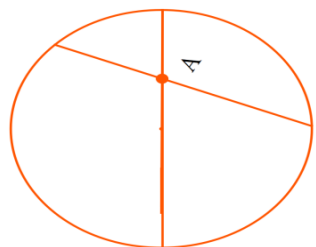
A. a,b,c.

B. a,c,d,e.

C. b,c,d,g

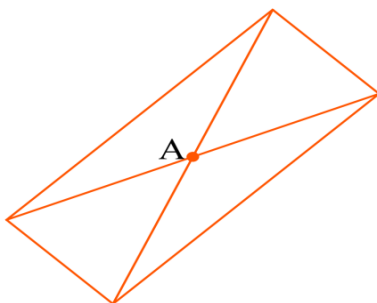
D. a,b,d,e

Câu 4. (TN4- NB) Hình nào nhận điểm A là tâm đối xứng? (BỎ)



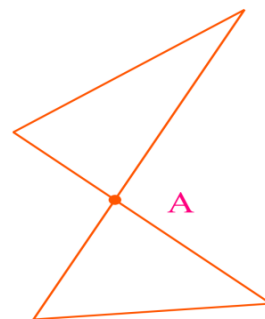
a)

A. c.



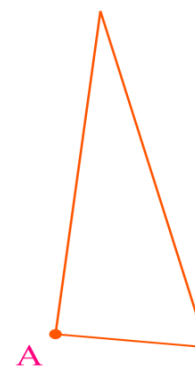
b)

B. a .



c)

C.d .



d)

D. b.

Câu 5. (TN5- NB) Trong các phát biểu sau, phát biểu nào là sai ?

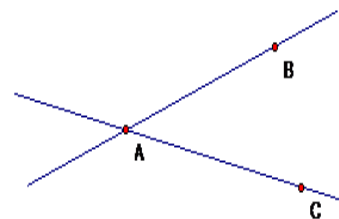
- A. Chữ H là hình vừa có tâm đối xứng, vừa có trục đối xứng.
- B. Chữ A là hình vừa có trục đối xứng vừa có tâm đối xứng.
- C. Chữ O là hình vừa có trục đối xứng vừa có tâm đối xứng.
- D. Chữ I là hình vừa có trục đối xứng và có tâm đối xứng.

Câu 6. (TN6- NB) Điểm M không thuộc đường thẳng d được kí hiệu ?

- A. $d \in M$
- B. $M \in d$
- C. $M \notin d$
- D. $d \notin M$

Câu 7. (TN7- NB) Dựa vào hình vẽ, hãy chọn khẳng định đúng trong các khẳng định sau?

- A. Hai đường thẳng AB và AC song song với nhau.
- B.** Hai đường thẳng AB và AC cắt nhau.
- C. Hai đường thẳng AB và AC trùng nhau.
- D. Hai đường thẳng AB và AC có hai điểm chung.



Câu 8. (TN8- NB) Cho hình vẽ , tia nào trùng với tia Bx?



- A. Tia Ax
- B.** Tia BO, BA
- C. Tia OB, By
- D. Tia AB

Câu 9. (TN9- NB) Điểm M gọi là trung điểm của đoạn thẳng AB nếu:

- A. M cách đều hai điểm A và B
- B. M nằm giữa hai điểm A và B
- C.** M nằm giữa hai điểm A; B và M nằm cách đều hai điểm A và B
- D. $MA = \frac{1}{2} AB$

Câu 10. (TN10- NB) Lúc 9 giờ thì kim phút và kim giờ của đồng hồ tạo thành góc gì?



- A. góc nhọn.
- B.** góc vuông.
- C. góc tù.
- D. góc bẹt.

Câu 11. (TN11- NB) Số đo của góc bẹt bằng bao nhiêu?

- A. 30^0 .
- B. 120^0 .
- C. 90^0 .
- D.** 180^0 .

Câu 12. (TN12- NB) Phân số nghịch đảo của phân số $\frac{-7}{12}$ là

A. $\frac{-12}{7}$

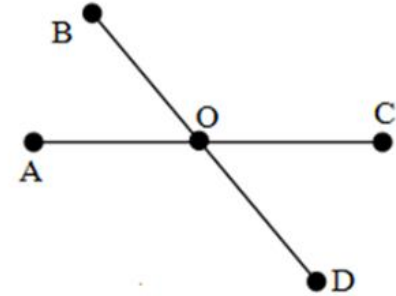
B. $\frac{-12}{-7}$

C. $\frac{12}{7}$

D. $\frac{7}{12}$

B. PHẦN TỰ LUẬN: (7,0 điểm)**Câu 13. (1,5 điểm)**

- a) (TL13a - NB) Kể tên tất cả bộ 3 điểm thẳng hàng có trong hình vẽ?
 b) (TL13b - TH) Trong hình vẽ bên. Biết $DB = 7\text{cm}$ và $OB = 3\text{cm}$ tính độ dài đoạn thẳng OD
 c) (TL13c-NB) Vẽ góc vuông xAy.

**Câu 14. (1,5 điểm)** So sánh các số sau.

- a) (TL14a-TH) $0,5$ và $\frac{4}{7}$ b) (TL14b-TH) $\frac{-5}{21}$ và $\frac{-3}{7}$
 c) (TL14c-TH) $-5,345$ và $-5,325$

Câu 15. (2 điểm)

1. Thực hiện phép tính (tính hợp lí nếu có)

a) (TL15.1a-VD) $\frac{-5}{8} + \frac{3}{7} + \frac{-3}{8} + \frac{4}{7}$ b) (TL15.1b-VD) $-(8,38 - 2,14): 2,4$

c) (TL15.1c-VD) $[(-37,48) + (-26,2)]: 3,2. 1,25. 0,2. 8$

2. (TL15.2 -VD) Lớp 6A có 35 học sinh, trong đó học sinh giỏi chiếm $\frac{2}{5}$ tổng số học sinh của lớp.

Tính số học sinh giỏi của lớp 6A ?.

Câu 16. (1 điểm) (TL16 -TH)

Dùng gieo một con xúc sắc 100 lần và ghi lại số chấm xuất hiện ở mỗi lần gieo được kết quả như sau:

Số chấm xuất hiện	1	2	3	4	5	6
Số lần	30	10	15	20	10	15

Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện: “ Số chấm xuất hiện là 2”

Câu 17. (TL17-VDC)

Giá điện tháng 9 thấp hơn giá điện tháng 8 là 10%, giá điện tháng 10 cao hơn giá điện tháng 9 là 10%. Hỏi giá điện tháng 10 so với tháng 8 cao hơn hay thấp hơn bao nhiêu phần trăm?

----- **HẾT** -----

D. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

ĐÁP ÁN & HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn : Toán – Lớp: 6

A. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	C	B	D	B	C	B	B	C	B	D	A

B. TỰ LUẬN (7 điểm)

CÂU	ĐÁP ÁN	ĐIỂM
Câu 13 1,5 điểm	a) (TL13a - NB) Tên tất cả bộ 3 điểm thẳng hàng có trong hình vẽ: (B; O; D), (A; O; C)	0,5
	b) (TL13b - TH) $OD = BD - OB = 7 - 3 = 4\text{cm}$	0,5
	c) (TL3-NB) Vẽ góc đúng vuông xAy.	0,5
Câu 14 1,5 điểm	a) (TL14a-TH) $0,5 < \frac{4}{7}$	0,5
	b) (TL14b-TH) $\frac{-5}{21} > \frac{-3}{7}$	0,5
	c) (TL14b-TH) $-5,345 < -5,325$	0,5
Câu 15 2,5 điểm	Câu 15.(2,5 đ) 1. Tính hợp lí	
	a) (TL15.1a-VD) $\frac{-5}{8} + \frac{3}{7} + \frac{-3}{8} + \frac{4}{7}$	0,25
	$= -1 + 1 = 0$	0,25
	b) (TL15.1b-VD) $(8,38 - 2,14): 2,4$	0,25
$= -6,24: 2,4 = -2,6$	0,25	

	c) (TL15.1c-VD) $[(-37,48) + (-26,2)]: 3,2. 1,25. 0,2. 8 = - 63,68: 3,2.1.0,2=-3,98$	0,5
	2. (TL15.2 -VD) Lớp 6A có 35 học sinh, trong đó học sinh giỏi chiếm $\frac{2}{5}$ tổng số học sinh của lớp. Tính số học sinh giỏi của lớp 6A ?.Tìm tỉ số phần trăm của học sinh Giỏi so với học sinh cả lớp <u>Giải:</u> Số học sinh giỏi: 14(hs) Phần trăm học sinh giỏi so với cả lớp: 40%	0,5 0,5
Câu 16 <i>1 điểm</i>	Câu 16. (TL16 -TH) Xác suất số chấm xuất hiện là 2:10%	1
Câu 17 <i>1 điểm</i>	Câu 17. (TL17-VDC) Giá điện tháng 9 thấp hơn giá điện tháng 8 là 10%, giá điện tháng 10 cao hơn giá điện tháng 9 là 10%. Hỏi giá điện tháng 10 so với tháng 8 cao hơn hay thấp hơn bao nhiêu phần trăm?	
	Giá điện tháng 9 bằng $100\% - 10\% = 90\%$ giá điện tháng 8 Giá điện tháng 10 bằng $100\% + 10\% = 110\%$ giá điện tháng 9 Do đó giá điện tháng 10 bằng $110\%.90\% = 99\%$ giá điện tháng 8 Vậy giá điện tháng 10 thấp hơn giá điện tháng 8 là 1%	0,25 0,25 0,25 0,25

ĐỀ MINH HOẠ

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan (3 điểm)

Hãy khoanh tròn vào phương án mà em cho là đúng.

Câu 1: Hằng nói rằng : “ Dữ liệu là số được gọi là số liệu “. Theo em Hằng nói thế đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

Câu 2: Linh đo nhiệt độ cơ thể (đơn vị $^{\circ}\text{C}$) của 5 bạn trong lớp thu được dãy số liệu sau

37 36,9 37,1 36,8 36,9

Linh đã dùng phương pháp nào để thu thập số liệu trên

A. Quan sát

B. Làm thí nghiệm

C. Lập bảng hỏi

D. Phỏng vấn

Câu 3: Trong biểu đồ cột, biểu đồ cột kép, khẳng định nào sau đây không đúng

A. Cột nào cao hơn biểu diễn số liệu lớn hơn

B. Cột nằm dưới trục ngang biểu diễn số liệu âm

C. Các cột cao như nhau biểu diễn các số liệu bằng nhau

D. Độ rộng các cột không như nhau

Câu 4: Nếu tung đồng xu 13 lần liên tiếp, có 5 lần xuất hiện mặt S thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt N là:

A. $\frac{5}{13}$

B. $\frac{8}{13}$

C. $\frac{2}{13}$

D. $\frac{9}{13}$

Câu 5: Khẳng định nào sau đây là sai ?

A. Trong 3 điểm thẳng hàng, luôn có 1 điểm nằm giữa hai điểm còn lại.

B. Hai tia chung gốc thì luôn là hai tia đối nhau.

C. Hai tia đối nhau thì luôn có chung điểm gốc.

D. Khi hai điểm A và B nằm khác phía so với điểm C thì điểm C nằm giữa hai điểm A và B.

Câu 6: Nghịch đảo của $\frac{-6}{11}$ là:

A. $\frac{11}{-6}$

B. $\frac{6}{11}$

C. $\frac{-6}{-11}$

D. $\frac{-11}{-6}$

Câu 7: Số đối của $-0,024$ là

A. $-0,24$

B. $0,24$

C. $0,024$

D. $-0,024$

Câu 8: Viết số thập phân $0,25$ về dạng phân số ta được:

A. $\frac{1}{4}$

B. $\frac{5}{2}$

C. $\frac{2}{5}$

D. $-\frac{1}{4}$

Câu 9: Góc bẹt bằng

A. 90°

B. 180°

C. 75°

D. 45°

Câu 10: Góc là hình gồm

A. Hai tia cắt nhau

B. Hai tia cùng thuộc một mặt phẳng

C. Hai tia ở giữa hai nửa mặt phẳng đối nhau.

D. Hai tia chung gốc

Câu 11: Viết hỗn số $3\frac{1}{5}$ dưới dạng phân số

A. $\frac{3}{5}$

B. $\frac{16}{5}$

C. $\frac{8}{5}$

D. $\frac{3}{3}$

Câu 12: Điền từ thích hợp vào chỗ trống: Trung điểm M của đoạn thẳng AB là điểm nằm giữa A, B sao cho:

A. $AM = AB$

B. $AB = MB$

C. $MA = MB$

D. $AM > AB$

Phần 2. Tự luận (7 điểm)

Câu 13. (1 điểm)

Hoan gieo một con xúc sắc 100 lần và ghi lại số chấm xuất hiện ở mỗi lần gieo được kết quả như sau:

Số chấm xuất hiện	1	2	3	4	5	6
Số lần	15	20	18	22	10	15

Tính xác suất thực nghiệm của các sự kiện sau:

a. Số chấm xuất hiện là số chẵn

b. Số chấm xuất hiện lớn hơn 2

Câu 14. (2 điểm) So sánh:

a) 407,99 và 408,01

b) $\frac{-8}{5}$ và $\frac{11}{-7}$

Câu 15. (2 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $\frac{2}{3} + \frac{-4}{5}$

b) $\frac{5}{2} - \frac{3}{2} + 3$

c) $\frac{-2}{11} + \frac{3}{5} + \frac{-9}{11} + 2022 + \frac{2}{5}$

d) $\frac{2}{15} \cdot \frac{6}{13} + \frac{2}{15} \cdot \frac{11}{13} - \frac{2}{15} \cdot \frac{4}{13}$

Câu 16. (1 điểm) Tìm x biết:

a) $x - \frac{-5}{12} = \frac{-7}{12}$

b) $\frac{2}{3} \cdot x - \frac{1}{2} = \frac{5}{6}$

Câu 17. (1 điểm) Có 9 quả cam chia cho 12 người. Làm cách nào mà không phải cắt bất kỳ quả nào thành 12 phần bằng nhau?

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan.

Mỗi câu TN trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Phương án đúng	B	A	D	B	B	A	C	A	B	D	B	C

Phần 2. Tự luận.

Câu	Nội dung	Điểm
13	a. Số lần gieo mà số chấm xuất hiện là số chẵn là: $20 + 22 + 15 = 57$ Xác suất thực nghiệm của sự kiện số chấm xuất hiện là số chẵn là: $\frac{57}{100} = 0,57$	0,5
	b. Số lần gieo có số chấm xuất hiện lớn hơn 2 là: $100 - (15 + 20) = 65$ Xác suất thực nghiệm của sự kiện số chấm xuất hiện lớn hơn 2 là: $\frac{65}{100} = 0,65$	0,5
14	a. $407,99 < 408,01$	1
	b. Ta có: $\frac{-8}{5} = \frac{-56}{35}$, $\frac{11}{-7} = \frac{-55}{35}$. Suy ra $\frac{-8}{5} < \frac{11}{-7}$	1
15	a. $\frac{2}{3} + \frac{-4}{5} = \frac{10}{15} + \frac{-12}{15} = \frac{-2}{15}$	0,5
	b. $\frac{5}{2} - \frac{3}{2} + 3 = \frac{2}{2} + 3 = 1 + 3 = 4$	0,5
	c. $\frac{-2}{11} + \frac{3}{5} + \frac{-9}{11} + 2022 + \frac{2}{5} = \left(\frac{-2}{11} + \frac{-9}{11}\right) + \left(\frac{3}{5} + \frac{2}{5}\right) + 2022 = -1 + 1 + 2022 = 2022$	0,5
	d. $\frac{2}{15} \cdot \frac{6}{13} + \frac{2}{15} \cdot \frac{11}{13} - \frac{2}{15} \cdot \frac{4}{13} = \frac{2}{15} \cdot \left(\frac{6}{13} + \frac{11}{13} - \frac{4}{13}\right) = \frac{2}{15} \cdot 1 = \frac{2}{15}$	0,5
16	a. $x - \frac{-5}{12} = \frac{-7}{12}$ suy ra $x = -1$	0,5
	b. $\frac{2}{3} \cdot x - \frac{1}{2} = \frac{5}{6}$ suy ra $x = 2$	0,5
17	Lấy 6 quả cam cắt mỗi quả thành 2 phần bằng nhau, mỗi người được $\frac{1}{2}$ quả. Còn lại 3 quả cắt làm 4 phần bằng nhau, mỗi người được $\frac{1}{4}$ quả. Như vậy 9 quả cam chia đều cho 12 người, mỗi người được $\frac{1}{2} + \frac{1}{4} = \frac{3}{4}$ (quả).	1

Chú ý: Nếu HS đưa ra cách giải khác với đáp án nhưng lời giải đúng vẫn cho điểm tối đa.

BÀI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CUỐI HỌC KỲ II
NĂM HỌC
MÔN TOÁN 6

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao nhận đề)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3 điểm)

Chọn kết quả đúng ghi vào bài làm:

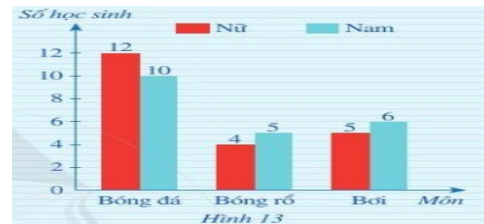
Câu 1: So sánh hai số thập phân 2,56 và 2,57 ta được kết quả.

- A. $2,56 > 2,57$; B. $2,56 < 2,57$; C. $2,57 \leq 2,56$; D. $2,56 = 2,57$.

Câu 2: Cho $\widehat{xOy} = 30^\circ$ và $\widehat{mOn} = 50^\circ$ kết so sánh nào sau đúng?

- A. $\widehat{xOy} > \widehat{mOn}$; B. $\widehat{xOy} \geq \widehat{mOn}$; C. $\widehat{xOy} = \widehat{mOn}$; D. $\widehat{xOy} < \widehat{mOn}$.

Câu 3: Biểu đồ cột kép ở Hình 13 biểu diễn số học sinh nam và nữ của lớp 6A có sở thích chơi một số môn thể thao: bóng đá, bóng rổ, bơi. Số học sinh nam thích môn bóng đá là:



- A. 12 học sinh B. 10 học sinh C. 6 học sinh D. 5 học sinh

Câu 4: Số đối của phân số $\frac{-2}{3}$ là số.

- A. $\frac{-2}{3}$ B. $\frac{2}{3}$ C. $\frac{3}{2}$ D. $\frac{2}{-3}$

Câu 5: Phân số nghịch đảo của phân số $\frac{-2}{3}$ là:

- A. $\frac{-2}{3}$ B. $\frac{2}{3}$ C. $\frac{3}{-2}$ D. $\frac{2}{-3}$

Câu 6: Cho \widehat{xOy} là góc vuông, thì \widehat{xOy} có số đo:

- A. 0° B. 60° C. 180° D. 90°

Câu 7: Làm tròn số 0,145 đến chữ số thập phân thứ hai ta được.

- A. 0,15 B. 0,14 C. 0,145 D. 0,146

Câu 8: Một hộp có 3 quả bóng màu X, Đ, V. Tập hợp các kết quả có thể xảy ra của bóng lấy ra là:

- A. { X; Đ; T }; B. { Đ; X; V }; C. { X; V; H }; D. { T ; V; H }

Câu 9: Tỷ số của hai số - 2 và 5 là:

- A. $\frac{5}{-2}$ B. $\frac{-5}{2}$ C. $\frac{2}{5}$ D. $\frac{-2}{5}$

Câu 10: Tỷ số phần trăm của 3 và 2 được viết là:

- A. $\frac{2}{3} \cdot 100\%$ B. $\frac{3}{2}\%$ C. $\frac{3}{2} \cdot 100$ D. $\frac{3}{2} \cdot 100\%$

Câu 11: Đổi $5\frac{2}{3}$ ra phân số.

- A. $\frac{17}{3}$ B. $\frac{17}{5}$ C. $\frac{10}{3}$ D. $\frac{12}{5}$

Câu 12: Cho hình vẽ bên (Hình 2). Hai tia đối nhau là:



Hình 2

A. Ax và Bx ; B. Ax và Ay A. Ax và By ; B. AB và Ax

II. PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1: Thực hiện phép tính: $\frac{8}{5} - \frac{7}{5}$.

Câu 2: Thực hiện phép tính: $\frac{2}{3} \cdot \frac{7}{5} + \frac{2}{3} \cdot \frac{-2}{5}$.

Câu 3: Tìm x, biết: $\frac{13}{5}x - \frac{1}{3} = \frac{3}{4}$.

Câu 4: Trên đĩa có 25 quả táo. Lan ăn hết 20% số quả táo. Sau đó, Hồng ăn $\frac{7}{10}$ số táo còn lại.

Hỏi Hồng đã ăn bao nhiêu quả táo?

Câu 5: Lúc 6 giờ sáng thời tiết ở Đồng Văn (Hà Giang) là $-0,8^{\circ}C$, đến 11 giờ trưa nhiệt độ tăng lên được $0,5^{\circ}C$ so với lúc 6 giờ sáng. Hỏi nhiệt độ ở Đồng Văn (Hà Giang) lúc 11 giờ trưa là bao nhiêu?

Câu 6: Vẽ đường thẳng xy, trên đường thẳng đó lấy ba điểm A, O, B sao cho O nằm giữa hai điểm A, B và $OA = 3cm$, $OB = 3cm$.

a. Điểm O có là trung điểm của đoạn thẳng AB không? Vì sao?

b. Tính độ dài đoạn thẳng AB?

Câu 7: Rút gọn phân số $A = \frac{5^2 \cdot 2^{19} \cdot 3^{11} + 2^{14} \cdot 3^{10} \cdot 5^2}{2^{17} \cdot 3^{12} \cdot 5^4 - 3^{11} \cdot 2^{18} \cdot 5^3}$.

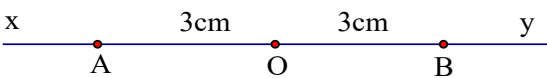
----- HẾT -----

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU CHẤM

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3 điểm - mỗi câu đúng 0,25 điểm).

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	D	B	B	C	D	A	B	D	D	A	B

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu	Giải	Điểm
Câu 1 (0,5đ)	Ta có: $\frac{8}{5} - \frac{7}{5} = \frac{8-7}{5}$	0,25 đ
	$= \frac{1}{5}$	0,25 đ
Câu 2 (1đ)	Ta có: $\frac{2}{3} \cdot \frac{7}{5} + \frac{2}{3} \cdot \frac{-2}{5} = \frac{2}{3} \cdot \left(\frac{7}{5} + \frac{-2}{5} \right)$	0,5 đ
	$= \frac{2}{3} \cdot 1 = \frac{2}{3}$	0,5 đ
Câu 3 (1đ)	Ta có: $\frac{13}{5}x - \frac{1}{3} = \frac{3}{4}$	0,25 đ
	$\frac{13}{5}x = \frac{3}{4} + \frac{1}{3}$	
	$\frac{13}{5}x = \frac{13}{12}$	
	$x = \frac{13}{12} : \frac{5}{13}$	
	$x = \frac{13}{12} \cdot \frac{5}{13} = \frac{5}{12}$	0,25 đ
Câu 4 (1,5đ)	Số Táo Lan ăn là: $25 \cdot 20\% = 5$ (quả)	0,5 đ
	Số Táo còn lại là: $25 - 5 = 20$ (quả)	0,5 đ
	Số Hồng ăn là: $20 \cdot \frac{7}{10} = 14$ (quả)	0,5 đ
Câu 5 (1đ)	Nhiệt độ ở Đồng Văn (Hà Giang) lúc 11 giờ trưa là: $-0,8^{\circ}C + 0,5^{\circ}C$	0,5 đ
	$= -0,3^{\circ}C$	0,5 đ
Câu 6 (1,5đ)		0,5 đ
	a) Điểm O là trung điểm của đoạn thẳng AB. Vì: Điểm O nằm giữa hai điểm A, B và $OA = OB (=3\text{cm})$	0,5đ
	b) Vì O là trung điểm của đoạn thẳng AB nên: $OA = OB : 2$ hay $3\text{cm} = AB : 2$ Vậy $AB = 2 \cdot 3\text{cm} = 6\text{cm}$	0,5đ

Câu 7 (0,5đ)	$A = \frac{5^2 \cdot 2^{19} \cdot 3^{11} + 2^{14} \cdot 3^{10} \cdot 5^2}{2^{17} \cdot 3^{12} \cdot 5^4 - 3^{11} \cdot 2^{18} \cdot 5^3} = \frac{5^2 \cdot 2^{14} \cdot 3^{10} \cdot (2^5 \cdot 3 + 1)}{2^{17} \cdot 3^{11} \cdot 5^3 \cdot (3 \cdot 5 - 2)}$	0,25đ
	$= \frac{5^2 \cdot 2^{14} \cdot 3^{10} \cdot 97}{2^{17} \cdot 3^{11} \cdot 5^3 \cdot 13} = \frac{97}{2^3 \cdot 5 \cdot 3 \cdot 13} = \frac{97}{1560}$	0,25đ

Nếu HS đưa ra cách giải khác với đáp án nhưng lời giải đúng vẫn cho điểm tối đa.

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐỀ CHÍNH THỨC

BÀI ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KỲ II TOÁN 6
Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3.0 điểm).

Chọn phương án trả lời đúng trong các phương án A, B, C, D.

Câu 1. Cách viết nào sau đây biểu diễn cho cách viết phân số?

- A. $\frac{-2022}{2023}$. B. $\frac{1,5}{2}$. C. $\frac{-23}{0,03}$. D. $\frac{-32}{0,1}$.

Câu 2. Phân số nào sau đây bằng phân số $\frac{-5}{6}$?

- A. $\frac{18}{15}$. B. $\frac{-6}{5}$. C. $\frac{6}{5}$. D. $\frac{-15}{18}$.

Câu 3. Số đối của phân số $\frac{-7}{12}$ là phân số nào sau đây ?

- A. $\frac{7}{12}$. B. $\frac{12}{7}$. C. $\frac{-12}{7}$. D. $\frac{7}{-12}$.

Câu 4. Số nào là kết quả của phép tính $\frac{-5}{2} : \frac{3}{2}$?

- A. $\frac{-15}{4}$. B. $\frac{-5}{3}$. C. $\frac{3}{-5}$. D. -4 .

Câu 5. Kết quả phép tính $\frac{1}{3}$ của 24 bằng bao nhiêu ?

- A. $\frac{1}{72}$. B. 72 . C. 8 . D. 80 .

Câu 6. Dùng hỗn số nào sau đây để biểu thị thời gian của đồng hồ sau?



- A. $5\frac{5}{6}$ giờ. B. $5\frac{4}{6}$ giờ. C. $4\frac{5}{6}$ giờ. D. $4\frac{1}{6}$ giờ

Câu 7. Làm tròn số 849 đến hàng trăm ta được kết quả là số nào?

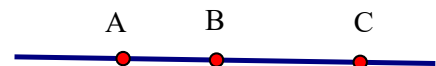
- A. 840. B. 800. C. 900. D. 850.

Câu 8. Hãy chọn cách viết kí hiệu tỉ số của 24 và 39?

- A. $24 + 99$. B. $24 \cdot 39$. C. $24 - 39$. D. $24 : 39$.

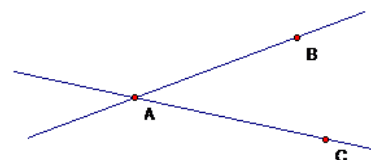
Câu 9. Dựa vào hình vẽ, hãy chọn khẳng định sai trong các khẳng định sau đây?

- A. Ba điểm A, B, C thẳng hàng.
B. Điểm A nằm giữa 2 điểm C và B.
C. Ba điểm A, B, C cùng thuộc một đường thẳng.
D. Điểm A và B nằm cùng phía so với điểm C.



Câu 10. Dựa vào hình vẽ, hãy chọn khẳng định đúng trong các khẳng định sau?

- A. Hai đường thẳng AB và AC không cắt nhau.
- B. Hai đường thẳng AB và AC có ba điểm chung
- C. Hai đường thẳng AB và AC cắt nhau tại điểm A
- D. Hai đường thẳng AB và AC có hai điểm chung.



Câu 11. Góc có 2 cạnh DE và DF là góc nào?

- A. Góc EDF.
- B. Góc EFD.
- C. Góc DFE.
- D. Góc DEF.

Câu 12. Lúc 10 giờ thì kim phút và kim giờ của đồng hồ tạo thành góc có số đo là bao nhiêu?



- A. 30°
- B. 60° .
- C. 90° .
- D. 180° .

B. PHẦN TƯ LUẬN: (7,0 điểm).

Câu 13. (3,0 điểm)

13.1 Thực hiện phép tính. a) $M = \frac{23}{18} + \frac{17}{18} - \frac{29}{18}$; b) $N = \frac{3}{4} \cdot \frac{5}{11} + \frac{1}{4} : \frac{11}{5}$

13.2. $\frac{1}{2}$ quả dưa nặng 3kg. Hỏi quả dưa nặng bao nhiêu kg.

Câu 14. (1,0 điểm) Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần:

-4,99; 0 ; -1; -5,08; -5,9.

Câu 15. (2,0 điểm) Cho đoạn thẳng AB dài 12cm. Gọi C là trung điểm của AB, O là trung điểm của AC. Tính độ dài các đoạn thẳng AC, CB và AO

Câu 16. (1,0 điểm) Gieo một con xúc xắc 6 mặt 100 lần ta được kết quả như sau:

Mặt	1 chấm	2 chấm	3 chấm	4 chấm	5 chấm	6 chấm
Số lần xuất hiện	7	12	8	8	9	6

Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện gieo được mặt có số lẻ chấm trong 50 lần gieo trên

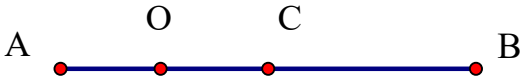
----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN CHẤM
BÀI ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ II MÔN TOÁN 6
NĂM HỌC

A. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi câu đúng 0,25 điểm.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	D	A	B	C	C	B	D	B	C	A	B

B. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung yêu cầu	Điểm
Câu 13 (3,0đ)	13.1 a) $M = \frac{23}{18} + \frac{17}{18} - \frac{29}{18}$ $M = \frac{40}{18} - \frac{19}{18}$ $M = \frac{21}{18} = \frac{7}{6}$	0,5 điểm 0,5 điểm
	13.1b) $N = \frac{3}{4} \cdot \frac{5}{11} + \frac{1}{4} : \frac{11}{5}$ $N = \frac{3}{4} \cdot \frac{5}{11} + \frac{1}{4} \cdot \frac{5}{11}$ $N = \frac{5}{11} \cdot \left(\frac{3}{4} + \frac{1}{4} \right)$ $N = \frac{5}{11} \cdot 1 = \frac{5}{11}$	0,5 điểm 0,5 điểm
	13.2 Quả dưa cân nặng $3 : \frac{1}{2} = 3 \cdot 2 = 6$ (kg)	1 Điểm
Câu 14 (1,0đ)	Sắp xếp các số theo thứ tự tăng dần: $-5,9 < -5,08 < -4,99 < -1 < 0$. (Hs sắp xếp đúng liên tiếp 3 số được 0,5 đ)	1.0 điểm
Câu 15 (2,0đ)		0,5 điểm
	Do C là trung điểm của đoạn thẳng AB Nên ta có: $AC = CB = \frac{AB}{2} = \frac{12}{2} = 6(cm)$	1,0 điểm
	Do O là trung điểm của đoạn thẳng AC Nên ta có: $AO = \frac{AC}{2} = \frac{6}{2} = 3(cm)$	0,5 điểm

Câu 16 (1,0đ)	<p>Các mặt có số chẵn chấm của con xúc xắc là mặt 1, 3, 5.</p> <p>Xác suất thực nghiệm của sự kiện gieo được mặt có số chẵn chấm trong 100 lần là:</p> $\frac{7+8+9}{50} = \frac{24}{50} = 0,48 .$	<p>0,5 điểm</p> <p>0,5 điểm</p>
------------------------------	--	---

C. ĐỀ BÀI KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II

BÀI ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KỲ II

MÔN: TOÁN 6

Thời gian làm bài: 90 phút
(không kể thời gian phát đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3 điểm)

Chọn phương án đúng trong các câu sau:

Câu 1. Số lỗi vi phạm nội quy của học sinh tổ 1 lớp 6A được tổ trưởng ghi lại trong bảng sau.

1	2	0	3	4	0	1	5	2	2
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Hỏi trong tổ 1 lớp 6A học sinh mắc nhiều nhất là bao nhiêu lỗi ?

- A. 1 B. 5 C. 2 D. 0

Câu 2. Số nghịch đảo của $\frac{-5}{8}$ là:

- A. $\frac{5}{8}$ B. $\frac{-5}{8}$ C. $\frac{-5}{-8}$ D. $\frac{-8}{5}$

Câu 3. Viết số thập phân -0,25 về dạng phân số ta được:

- A. $\frac{1}{4}$ B. $\frac{5}{2}$ C. $\frac{-1}{4}$ D. $\frac{2}{5}$

Câu 4. Bạn An đo nhiệt độ cơ thể (đơn vị $^{\circ}\text{C}$) của 5 bạn trong lớp thu được dãy số liệu sau:

37,1 36,9 37 36,9 36,8

An đã dùng phương pháp nào để thu thập số liệu trên:

- A. Quan sát B. Làm thí nghiệm C. Lập bảng hỏi D. Phỏng vấn

Câu 5. Hỗn số $-3\frac{1}{5}$ viết được dưới dạng phân số là:

- A. $\frac{-16}{5}$ B. $\frac{-3}{5}$ C. $\frac{8}{5}$ D. $\frac{-14}{5}$

Câu 6. Làm tròn số $a = 135,4956$ đến chữ số thập phân thứ hai ta được số thập phân nào sau đây:

- A. 135,49 B. 135,51 C. 135,50 D. 136

Câu 7. Cho $\widehat{ABC} = 45^{\circ}$ và $\widehat{MON} = \widehat{ABC}$. Khi đó số đo góc MON bằng.

- A. 30° B. 40° C. 45° D. 50°

Câu 8. Cho điểm E thuộc đoạn thẳng IK. Biết $IE = 4\text{cm}$, $EK = 10\text{cm}$. Tính độ dài của đoạn thẳng IK.

- A. 4 cm B. 7 cm C. 6 cm D. 14 cm

Câu 9. Tung 1 đồng xu hai mặt N và S cân đối và đồng chất 20 lần. Có 8 lần xuất hiện mặt N thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt N là bao nhiêu?

- A. 8 B. $\frac{2}{5}$ C. 20 D. $\frac{12}{20}$

Câu 10. Lúc 9 giờ thì kim phút và kim giờ của đồng hồ tạo thành góc gì?



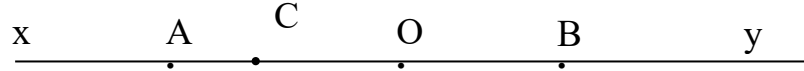
A. góc nhọn.

B. góc tù

C. góc vuông.

D. góc bẹt.

Câu 11. Cho hình vẽ , điểm nào thuộc tia Oy?



A. Điểm A

B. Điểm B

C. Hai điểm A và C

D. Điểm C

Câu 12. Một quyển sách giá 80000 đồng. Tìm giá mới của quyển sách khi quyển sách được giảm giá 25%.

A. 60000 đồng

B. 50000 đồng

C. 40000 đồng

D. 20000 đồng

II. TƯ LUẬN (7 điểm)

Câu 13. Thực hiện phép tính (tính nhanh nếu có thể):

a) $\frac{-3}{7} + \frac{5}{7}$

b) $\frac{-5}{6} \cdot \frac{3}{11} + \frac{-5}{6} \cdot \frac{8}{11}$

c) $\frac{2}{5} - 30\% + 0,6$

Câu 14. Tìm x, biết: a) $x + \frac{2}{3} = \frac{2}{5}$

b) $3,4 - 3x = 5,8$

c) $\frac{x-1}{2} = \frac{8}{x-1}$

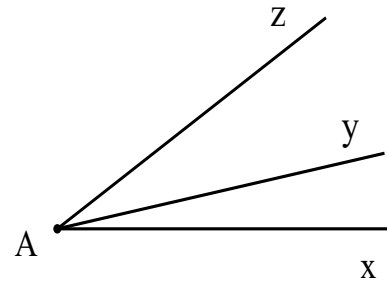
Câu 15.

Ba bác Đông, Nam, Bắc góp vốn đầu tư mua máy cày hết 24 triệu đồng. Sau khi góp số tiền của bác Đông, Nam lần lượt bằng $\frac{1}{3}$ và 25% tổng số tiền thu được. Tính số tiền của mỗi người đã góp.

Câu 16.

a) Cho hình vẽ bên. Hãy nêu tên các góc có trong hình vẽ.

b) Cho điểm I thuộc đoạn thẳng MN, biết MN = 6cm, IM = 3cm. Hỏi điểm I có phải là trung điểm của đoạn MN không? Vì sao?



Câu 17. Tính giá trị biểu thức:

$$S = \left(1 - \frac{1}{2^2}\right) \cdot \left(1 - \frac{1}{3^2}\right) \cdot \left(1 - \frac{1}{4^2}\right) \dots \left(1 - \frac{1}{50^2}\right)$$

----- **HẾT** -----

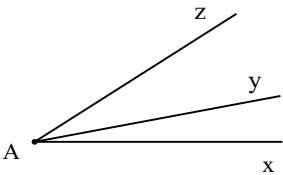
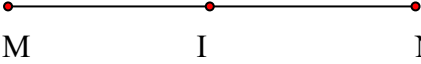
D. HƯỚNG DẪN CHẤM TOÁN 6 CUỐI HỌC KÌ II

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3 điểm) (Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm).

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	D	C	B	A	C	C	D	B	C	B	A

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu	Ý	Hướng dẫn chi tiết	Điểm
13 1,5đ	a) 0,5đ	$\frac{-3}{7} + \frac{5}{7} = \frac{-3+5}{7} = \frac{2}{7}$	0,5
	b) 0,5đ	$\frac{-5}{6} \cdot \frac{3}{11} + \frac{-5}{6} \cdot \frac{8}{11} = \frac{-5}{6} \cdot \left(\frac{3}{11} + \frac{8}{11} \right) = \frac{-5}{6} \cdot 1 = \frac{-5}{6}$	0,5
	c) 0,5đ	$\frac{2}{5} - 30\% + 0,6 = 0,4 - 0,3 + 0,6$ $= 0,7$	0,25 0,25
14 1,5đ	a) 0,75đ	$x + \frac{2}{3} = \frac{2}{5}$ $x = \frac{2}{5} - \frac{2}{3}$ $x = \frac{6}{15} - \frac{10}{15}$ $x = \frac{-4}{15}$	0,25 0,25 0,25
	b) 0,75đ	$3,4 - 3x = 5,8$ $3x = 3,4 - 5,8$ $3x = -2,4$ $x = -2,4 : 3$ $x = -0,8$	0,25 0,25 0,25
	c) 0,5đ	$\frac{x-1}{2} = \frac{8}{x-1}$ $(x-1)(x-1) = 2 \cdot 8$ $(x-1)^2 = 16$ $x-1 = 4 \text{ hoặc } x-1 = -4$ $x = 5 \text{ hoặc } x = -3$	0,25 0,25
15 1,5đ	Tiền vốn của bác Đông là: $24 \cdot \frac{1}{3} = 8$ (triệu đồng) Tiền vốn của bác Nam là: $24 \cdot 25\% = 24 \cdot \frac{1}{4} = 6$ (triệu đồng) Tiền vốn của bác Bắc là: $24 - 8 - 6 = 10$ (triệu đồng)		0,5 0,5 0,5

16	a) 0,5đ	Các góc có trong hình vẽ là: \widehat{xAy} ; \widehat{yAz} ; \widehat{xAz}		0,5
	b) 0,5đ	Hình vẽ 		0,5
	0,5đ	Ta có $MI + IN = MN$ nên $IN = MN - MI = 6 - 3 = 3$ (cm). Do $IM = IN = 3$ cm và điểm I thuộc đoạn thẳng MN Vậy I là trung điểm của đoạn thẳng MN		0,5
17	0,5đ	$S = \left(1 - \frac{1}{2^2}\right) \cdot \left(1 - \frac{1}{3^2}\right) \cdot \left(1 - \frac{1}{4^2}\right) \cdots \left(1 - \frac{1}{50^2}\right)$ $= \frac{3}{2^2} \cdot \frac{8}{3^2} \cdot \frac{15}{4^2} \cdots \frac{2499}{50^2}$ $= \frac{1.3}{2^2} \cdot \frac{2.4}{3^2} \cdot \frac{3.5}{4^2} \cdots \frac{49.51}{50^2}$ $= \frac{(1.2.3 \dots 49) \cdot (3.4.5 \dots 51)}{(2.3.4 \dots 50) \cdot (2.3.4 \dots 50)} = \frac{1.51}{50.2} = \frac{51}{100}$		0,25 0,25

Lưu ý: Mọi cách giải đúng đều cho điểm tối đa.

I. **TRẮC NGHIỆM** (3,0 điểm) *Chọn chữ cái trước câu trả lời đúng và ghi vào bài làm:*

Câu 1. Kết quả của phép tính: $(-2,5) + (-7,5)$ bằng:

A. 10

B. -10

C. -5

D. 5



Câu 2. Phần tô màu hình được biểu diễn phân số nào dưới đây?

A. $\frac{1}{4}$.B. $\frac{1}{2}$ C. $\frac{3}{4}$.D. $\frac{5}{8}$.

Câu 3 Tổng $\frac{1}{2} + \frac{-3}{4}$ bằng:

A. $-\frac{1}{4}$.

B. -1.

C. $-\frac{5}{4}$.

D. 1

Câu 4. Giá trị của biểu thức: $(-0,4) \cdot (0,5)$ bằng:

A. -0,02

B. 0,002

C. - 0,2

D. 0,2

Câu 5. Sau khi dùng $\frac{2}{3}$ số tiền tiết kiệm được để ủng hộ quỹ vì bạn nghèo thì số tiền còn lại của bạn Đức là 240.000đ. Hỏi ban đầu bạn Đức có bao nhiêu tiền ?

A. 160.000đ

B. 360.000đ

C. 80.000đ

D. 720.000đ

Câu 6. Khi tung một đồng xu 13 lần liên tiếp, có 7 lần xuất hiện mặt sấp (S). Khi đó xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt ngửa (N) là bao nhiêu.

A. $\frac{7}{13}$ B. $\frac{13}{7}$ C. $\frac{6}{13}$ D. $\frac{7}{6}$

Câu 7: Mỗi xúc xắc có 6 mặt, số chấm ở mỗi mặt là một trong các số nguyên dương từ 1 đến 6. Gieo xúc xắc một lần. Mặt xuất hiện của xúc xắc là phần tử của tập hợp nào dưới đây?

A. {1; 6}

B. {0; 1; 2; 3; 4; 5; 6}

C. {0; 1; 2; 3; 4; 5}

D. {1; 2; 3; 4; 5; 6}

Câu 8 Bạn Lương giúp mẹ thống kê số lượng các cỡ Giày mà cửa hàng nhà bạn đã bán được trong tháng đầu tiên khai trương cửa hàng như bảng sau.

Cỡ Giày	37	38	39	40	41	42
Số đôi bán được	23	31	29	75	32	56

Quan sát bảng hãy cho biết cỡ giày bán được nhiều nhất là cỡ nào ?

A. 44

B. 75

C. 40

D. 37

Câu 9. Tỉ số phần trăm của 374 và 425 là:

A. 88%

B. 8,8%

C. 0,88%

D. 0,8%

Câu 10. Góc có số đo lớn hơn 0^0 và nhỏ hơn 90^0 là góc gì?

- A. Góc vuông **B. Góc nhọn** C. Góc tù D. Góc bẹt

Câu 11. Cho đoạn thẳng $AB = 10$ cm, C là điểm nằm giữa A, B. Gọi M là trung điểm của AC và N là trung điểm của CB. Tính MN.

- A. $MN = 20$ cm **B. $MN = 5$ cm** C. $MN = 8$ cm D. $MN = 10$ cm

Câu 12. Điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB nếu:

- A. $MA = MB$ B. M nằm giữa A và B **C. $MA = MB = \frac{AB}{2}$** D. $AM + MB = AB$

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 13. Tính một cách hợp lý (nếu có thể)

a) $\frac{5}{2} - \frac{3}{2} + 3$ b) $\frac{-2}{11} + \frac{3}{5} + \frac{-9}{11} + 2022 + \frac{2}{5}$ c) $\frac{-7}{9} \cdot \frac{3}{11} + \frac{-7}{9} \cdot \frac{8}{11} + \frac{16}{9}$

Câu 14. Tìm x biết: a) $x - \frac{1}{3} = \frac{-2}{4}$ b) $\frac{x}{15} = \frac{-2}{3} + \frac{1}{5}$ c) $\frac{5}{2} - \frac{3}{2}(x-1) = \frac{1}{3}$

Câu 15. Bạn An đọc một quyển sách có 120 trang trong ba ngày thì xong. Ngày thứ nhất bạn An đọc được $\frac{1}{3}$ tổng số trang và bằng $\frac{2}{3}$ ngày thứ hai. Hỏi mỗi ngày bạn An đọc được bao nhiêu trang sách?

Câu 16. Trên đường thẳng xy lấy điểm O. Trên tia Ox lấy điểm A sao cho $OA = 3$ cm. Trên tia Oy lấy điểm B và C sao cho $OB = 3$ cm và $OC = a$ (cm), với $0 < a < 3$.

- a) Điểm O có là trung điểm của đoạn thẳng AB không? Vì sao?
b) Xác định giá trị của a để C là trung điểm của đoạn thẳng OB.

Câu 17. Tính

$$A = 1 - \frac{5}{6} + \frac{7}{12} - \frac{9}{20} + \frac{11}{30} - \frac{13}{42} + \frac{15}{56} - \frac{17}{72} + \frac{19}{90}$$

----- **HẾT** -----

Học sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN CHẤM

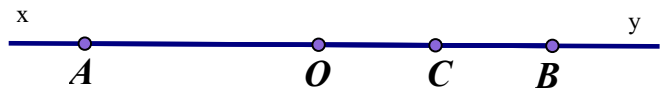
BÀI KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II MÔN TOÁN LỚP 6

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm) Mỗi câu chọn đúng được 0.25 điểm.

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
ĐÁP ÁN	B	A	A	C	D	C	D	C	A	B	C	C

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu	ý	Nội dung	Điểm
Câu 13	a (0,5đ)	$\frac{5}{2} - \frac{3}{2} + 3 = \frac{2}{2} + 3 = 1 + 3 = 4$	0.25
			0.25
	b (0,5đ)	$\frac{-2}{11} + \frac{3}{5} + \frac{-9}{11} + 2022 + \frac{2}{5}$ $= \left(\frac{-2}{11} + \frac{-9}{11} \right) + \left(\frac{3}{5} + \frac{2}{5} \right) + 2022$ $= -1 + 1 + 2022 = 2022$	0.25
			0.25
	c (0,5đ)	$\frac{-7}{9} \cdot \frac{3}{11} + \frac{-7}{9} \cdot \frac{8}{11} + \frac{16}{9}$ $= \frac{-7}{9} \left(\frac{3}{11} + \frac{8}{11} \right) + \frac{16}{9}$ $= \frac{-7}{9} \cdot 1 + \frac{16}{9} = \frac{9}{9} = 1$	0.25
			0.25
Câu 14	a (0,5đ)	$x - \frac{1}{3} = \frac{-2}{4}$ $\Rightarrow x = \frac{-2}{4} + \frac{1}{3}$ $\Rightarrow x = \frac{-1}{6}$	0.25
			0.25
	b (0,5đ)	$\frac{x}{15} = \frac{-2}{3} + \frac{1}{5}$ $\frac{x}{15} = \frac{-7}{15}$ $x = -7$	0.25
			0.25
	c (0,5đ)	$\frac{5}{2} - \frac{3}{2}(x-1) = \frac{1}{3} \Rightarrow \frac{3}{2}(x-1) = \frac{5}{2} - \frac{1}{3} = \frac{13}{6}$ $\Rightarrow x-1 = \frac{13}{6} : \frac{3}{2} = \frac{13}{9}$ $\Rightarrow x = \frac{13}{9} + 1 = \frac{22}{9}$	0.25
			0.25

Câu 15	1đ	Trong ngày thứ nhất bạn đọc được số trang:	0,25
			$120 \cdot \frac{1}{3} = 40(tr)$
		Trong ngày thứ hai bạn đọc được số trang	0,25
		$40 : \frac{2}{3} = 60(tr)$	
		Trong ngày thứ 3 bạn đọc được số trang là: $120 - (40 + 60) = 20$ (tr)	0,5
Câu 16	a. 1đ	 <p>Do Ox và Oy là hai tia đối nhau mà $A \in Ox$, $B \in Oy$ nên O nằm giữa A và B. Lại có $OA = OB = 3\text{cm}$ nên O là trung điểm của đoạn thẳng AB.</p>	0,25
	b. 1đ	Đề C là trung điểm của OB thì $OC = OB:2$ mà $BO = 3\text{cm}$ nên $OC = 3:2 = 1,5\text{cm}$.	0,5 0,5
Câu 17	1đ	$A = 1 - \frac{5}{6} + \frac{7}{12} - \frac{9}{20} + \frac{11}{30} - \frac{13}{42} + \frac{15}{56} - \frac{17}{72} + \frac{19}{90}$ $= 1 - \left(\frac{2+3}{2 \cdot 3}\right) + \left(\frac{3+4}{3 \cdot 4}\right) - \left(\frac{4+5}{4 \cdot 5}\right) + \left(\frac{5+6}{5 \cdot 6}\right) - \left(\frac{6+7}{6 \cdot 7}\right) + \left(\frac{7+8}{7 \cdot 8}\right) - \left(\frac{8+9}{8 \cdot 9}\right) + \left(\frac{9+10}{9 \cdot 10}\right)$ $= 1 - \frac{1}{2} + \frac{1}{3} - \frac{1}{4} + \frac{1}{5} - \frac{1}{6} + \frac{1}{7} - \frac{1}{8} + \frac{1}{9} - \frac{1}{10}$ $= 1 - \frac{1}{2} + \frac{1}{10} = \frac{3}{5}$	0,5 đ 0,25 0,25

Cách trình bày khác đúng theo yêu cầu thì chấm điểm tối đa.

Câu 1 (2,5 điểm)

1) Thực hiện phép tính:

a) $\frac{3}{5} + 0,4$ b) $0,5 : \frac{7}{4}$ c) $(-3,24) - 1,76$

2) Tìm x , biết:

a) $x + \frac{1}{5} = 0,6$ b) $3,5 - \frac{1}{2}x = \frac{-5}{4}$

Câu 2 (3,0 điểm)

1) Lớp 6A có 40 học sinh, số học sinh giỏi chiếm 20% số học sinh cả lớp. Số học sinh khá bằng $\frac{3}{2}$ số học sinh giỏi, còn lại là học sinh trung bình. Tính số học sinh mỗi loại.

2) Kết thúc học kì I năm học 2022-2023, số học sinh giỏi của các lớp 6A, 6B, 6C, 6D của một trường THCS lần lượt là: 18; 20; 22; 16 (học sinh).

a) Lập bảng thống kê số học sinh giỏi của các lớp 6.

b) Vẽ biểu đồ cột biểu diễn bảng thống kê ở câu a.

Câu 3 (1,5 điểm)

Một chiếc thùng kín đựng một số quả bóng màu đỏ, màu xanh, màu vàng có cùng kích thước. Trong một trò chơi, người chơi lấy ngẫu nhiên một quả bóng, ghi lại màu rồi trả lại bóng vào thùng.

1) Quả bóng lấy ra có thể có màu gì?

2) Bình thực hiện trò chơi 20 lần và được kết quả như bảng sau:

Màu	Xanh	Đỏ	Vàng
Số lần	8	5	7

Tính xác suất thực nghiệm của các sự kiện sau:

a) Quả bóng lấy ra có màu vàng.

b) Quả bóng lấy ra không là màu xanh.

Câu 4 (2,5 điểm)

Cho đoạn thẳng $AB = 5\text{cm}$. Lấy điểm C thuộc đoạn thẳng AB sao cho $AC = 1\text{cm}$.

a) Tính độ dài đoạn thẳng CB .

b) Gọi D là trung điểm của đoạn thẳng CB , tính độ dài đoạn thẳng CD ?

c) Vẽ tia Ax là tia đối của tia AB . Lấy điểm E thuộc tia Ax sao cho $AE = 3\text{cm}$. Điểm A có là trung điểm của đoạn thẳng ED ? Vì sao?

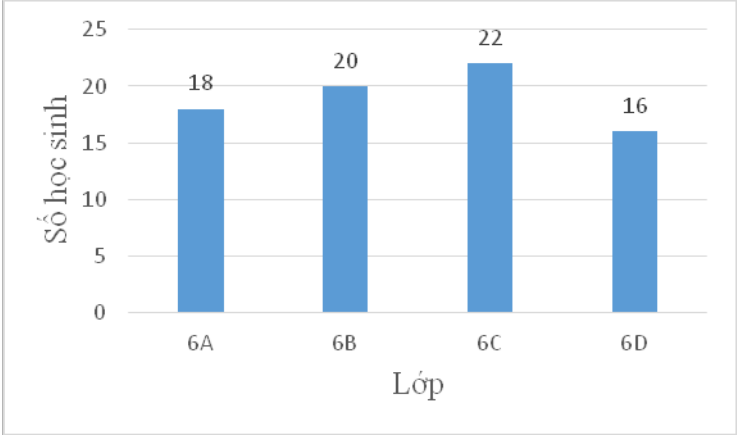
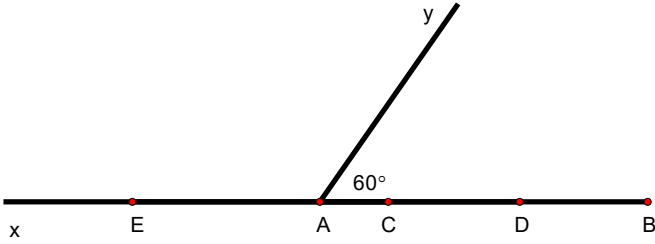
d) Vẽ tia Ay sao cho $\widehat{BAy} = 60^\circ$. So sánh góc BAy và góc BAx .

Câu 5 (0,5 điểm)

Cho $M = \frac{1}{2^3} + \frac{2}{3^3} + \frac{3}{4^3} + \dots + \frac{2021}{2022^3} + \frac{2022}{2023^3}$. Chứng tỏ rằng giá trị của M không phải là một số tự nhiên.

ĐỀ CHÍNH THỨC

CÂU	Ý	NỘI DUNG	ĐIỂM									
1 (2,5đ)	a	$\frac{3}{5} + 0,4 = 0,6 + 0,4 = 1$	0,5									
	b	$0,5 : \frac{7}{4} = \frac{1}{2} : \frac{7}{4}$	0,25									
		$= \frac{1}{2} \cdot \frac{4}{7} = \frac{2}{7}$	0,25									
	c	$(-3,24) - 1,76 = -(3,24 + 1,76) = -5$	0,5									
	a	$x + \frac{1}{5} = \frac{3}{5}$	0,25									
		$x = \frac{3}{5} - \frac{1}{5}$										
		$x = \frac{2}{5}$ Vậy $x = \frac{2}{5}$	0,25									
	b	$3,5 - \frac{1}{2}x = \frac{-5}{4}$	0,25									
		$\frac{1}{2}x = \frac{7}{2} - \left(\frac{-5}{4}\right)$										
		$\frac{1}{2}x = \frac{19}{4}$										
	$x = \frac{19}{4} : \frac{1}{2}$	0,25										
$x = \frac{19}{2}$												
Vậy $x = \frac{19}{2}$												
2 (3đ)	1	Lớp 6A có số học sinh giỏi là: $40 \cdot \frac{20}{100} = 8$ (học sinh)	0,5									
		Số học sinh khá của lớp 6A là: $8 \cdot \frac{3}{2} = 12$ (học sinh)	0,5									
		Số học sinh trung bình của lớp 6A là: $40 - 12 - 8 = 20$ (học sinh)	0,5									
	2.a	<table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <tr> <td>Lớp</td> <td>6A</td> <td>6B</td> <td>6C</td> <td>6D</td> </tr> <tr> <td>Số học sinh giỏi</td> <td>18</td> <td>20</td> <td>22</td> <td>16</td> </tr> </table>	Lớp	6A	6B	6C	6D	Số học sinh giỏi	18	20	22	16
Lớp	6A	6B	6C	6D								
Số học sinh giỏi	18	20	22	16								

		Vẽ đúng biểu đồ:	
	2.b	 <p>Mỗi cột vẽ đúng 0,25</p>	1,0
3 (1,5đ)	1	Quả bóng lấy ra có thể có màu xanh, màu đỏ hoặc màu vàng.	0,5
	2	a) Xác suất thực nghiệm của sự kiện <i>Quả bóng lấy ra có màu vàng</i> là: $\frac{7}{20}$	0,5
		b) Xác suất thực nghiệm của sự kiện <i>Quả bóng lấy không là màu xanh</i> là: $\frac{5+7}{20} = 0,6$	0,5
4 (2,5đ)	a	 <p>Vẽ hình theo đúng yêu cầu phần a của đề bài.</p>	0,25
		Theo hình vẽ, ta có: $AC + CB = AB$	0,25
		$1 + CB = 5$	
		$CB = 5 - 1 = 4(cm)$	0,25
	b	Vì D là trung điểm của CB nên ta có :	0,25
		$CD = \frac{CB}{2} = \frac{4}{2} = 2cm$	0,25
	c	Theo hình vẽ, ta có: $AD = AC + CD = 1 + 2 = 3cm$ Mà $AE = 3cm$, suy ra $AE = AD$	0,25
		Mà ta có điểm A nằm giữa 2 điểm E và D	0,25
		Vậy suy ra A là trung điểm của đoạn thẳng ED	0,25
	d	Vẽ đúng góc BAy theo yêu cầu.	0,25
Vì Ax là tia đối của tia AB nên góc BAx là góc bẹt Suy ra $\widehat{BAx} = 180^\circ$		0,25	

		$\widehat{BAy} = 60^\circ$ Suy ra $\widehat{BAy} < \widehat{BAx}$	
5 (0,5đ)		Ta có: $\frac{1}{2^3} < \frac{1}{2^2} < \frac{1}{1.2}$, $\frac{2}{3^3} < \frac{3}{3^3} = \frac{1}{3^2} < \frac{1}{2.3}$, $\frac{2022}{2023^3} < \frac{2023}{2023^3} = \frac{1}{2023^2} < \frac{1}{2022.2023}$ Nên $M < \frac{1}{1.2} + \frac{1}{2.3} + \dots + \frac{1}{2021.2022} + \frac{1}{2022.2023}$ $= \frac{1}{1} - \frac{1}{2} + \frac{1}{2} - \frac{1}{3} + \dots + \frac{1}{2021} - \frac{1}{2022} + \frac{1}{2022} - \frac{1}{2023}$ $= 1 - \frac{1}{2023} = \frac{2022}{2023} < 1$	0,25
		Mà $M > 0$. Vậy $0 < M < 1$ nên M không phải là 1 số tự nhiên	0,25

Lưu ý: Hs làm theo cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa

A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (5,0 điểm)

Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi sau và ghi vào giấy bài làm. Chẳng hạn, câu 1 chọn phương án B thì ghi là 1B.

Câu 1. Trong các cách viết sau, cách viết nào **không phải** là phân số?

- A. $\frac{3}{8}$. B. $\frac{1}{2,8}$. C. $\frac{11}{6}$. D. $\frac{2}{1}$.

Câu 2. Số đối của số $-\frac{7}{2}$ là

- A. $\frac{7}{2}$. B. $\frac{2}{7}$. C. $-\frac{2}{7}$. D. $-\left(\frac{7}{2}\right)$.

Câu 3. Cách viết nào sau đây **không phải** là hỗn số?

- A. $4\frac{3}{5}$. B. $1\frac{2}{3}$. C. $5\frac{2}{7}$. D. $5\frac{7}{2}$.

Câu 4. Cách so sánh nào sau đây là **đúng**?

- A. $-1,5 > -1,2$ B. $0,4 < 0$. C. $2,53 > 3,1$. D. $2,53 < 3,1$.

Câu 5. Trong các số sau, số nào là số thập phân âm?

- A. 3,5. B. -3,5. C. 35. D. -35.

Câu 6. Kết quả của phép tính $\frac{5}{9} + \frac{4}{9}$ là

- A. $\frac{20}{9}$. B. $\frac{1}{9}$. C. 1. D. -1.

Câu 7. Cho hình bên, điểm nằm giữa hai điểm A và N là

- A. Điểm M. B. Điểm A.
C. Điểm B. D. Điểm N.

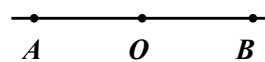


Câu 8. Có bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt A và B?

- A. 3. B. 2. C. 1. D. 0.

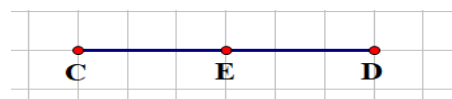
Câu 9. Trong hình vẽ bên, tia AO còn gọi là tia

- A. OA. B. AB.
C. OB. D. BO.



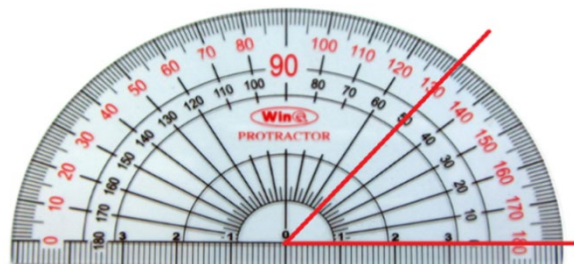
Câu 10. Cho hình vẽ bên, biết E là trung điểm của CD và CE = 4cm. Độ dài đoạn thẳng CD là

- A. 2cm. B. 4cm
C. 8cm D. 6cm.



Câu 11. Góc trong hình bên là

- A. góc vuông. B. góc nhọn
C. góc tù. D. góc bẹt.



Câu 12. Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào là số liệu?

- A. Các loài động vật quý hiếm trong Sách đỏ ở Việt Nam.
- B. Cân nặng của trẻ sơ sinh (đơn vị tính bằng gam).
- C. Các loài thực vật sống dưới nước.
- D. Các môn học có điểm tổng kết trên 8.0 của bạn An.

Câu 13. Dữ liệu nào không hợp lí trong dãy dữ liệu sau?

Tên các địa danh nổi tiếng của tỉnh Quảng Nam: Phố cổ Hội An, Thánh địa Mỹ Sơn, Hòn Kẽm Đá Dừng, Bà Nà Hills.

- A. Phố cổ Hội An
- B. Thánh địa Mỹ Sơn.
- C. Hòn Kẽm Đá Dừng
- D. Bà Nà Hills.

Quan sát biểu đồ tranh ở hình bên và trả lời các câu hỏi 14, 15.



Câu 14. Cửa hàng bán được ít ti vi nhất trong năm

- A. 2018.
- B. 2019.
- C. 2016.
- D. 2017.

Câu 15. Số ti vi cửa hàng bán được trong năm 2020 là

- A. 6.
- B. 16.
- C. 1500.
- D. 3000.



( = 500 TV;  = 250 TV)

Hình 2

B. TỰ LUẬN: (5,0 điểm)

Câu 1: (1,25 điểm)

a) So sánh: $\frac{-5}{13}$ và $\frac{-7}{13}$

b) Thực hiện phép tính: $\frac{-3}{4} + \frac{13}{15} \cdot \frac{5}{13}$

Câu 2: (0,5 điểm) Tìm x biết: $x - 7,15 = 4,85$

Câu 3: (1,25 điểm)

Điều tra ngẫu nhiên 50 em học sinh khối lớp 8 về môn thể thao yêu thích (mỗi học sinh chỉ được chọn một môn yêu thích nhất). Thầy giáo dạy thể dục thu được kết quả như sau: 25 học sinh thích bóng đá, 10 học sinh thích bóng chuyền, 10 học sinh thích bơi lội, số học sinh còn lại thích các môn thể thao khác.

- a) Lập bảng thống kê biểu diễn số lượng học sinh yêu thích các môn thể thao.
- b) Em hãy vẽ biểu đồ cột biểu diễn bảng thống kê trên.

Câu 4: (1 điểm)

Sắp đến hè, để giúp Bình tập luyện môn Cầu Lông, Ba Bình mua cho Bình một cây vợt cầu lông và một túi cầu có 20 quả hết 990 000 đồng. Trong đó, cây vợt có giá 560 000 (chưa có thuế VAT). Ba Bình mua ở siêu thị nên tất cả các mặt hàng người mua đều phải trả thêm thuế giá trị gia tăng VAT là 10%.

- a) Đố em ba bạn Bình phải trả bao nhiêu tiền cho cây vợt bao gồm thuế VAT.
- b) Em hãy tính xem khi chưa tính thuế VAT thì mỗi quả Cầu lông có giá là bao nhiêu tiền.

Câu 5: (1 điểm)

Cho 2 tia đối nhau Ox và Oy, vẽ điểm N thuộc tia Ox sao cho ON = 3cm và M thuộc tia Oy sao cho OM = 4cm.

- a) Vẽ hình và kẻ tên 2 tia đối nhau khác Ox và Oy.
- b) Gọi A là trung điểm của đoạn OM. Tính độ dài đoạn AN.

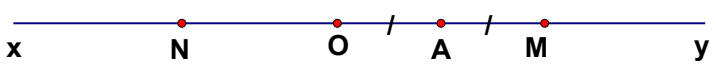
-----Hết-----

(Hướng dẫn chấm gồm có 01 trang)

A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (5,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Đ/án	B	A	D	D	B	C	A	C	B	C	B	B	D	A	D

B. TỰ LUẬN: (5,0 điểm)

Câu	Lời giải	Điểm								
1	a/ So sánh: $\frac{-5}{13}$ và $\frac{-7}{13}$ Vì $-5 > -7$ Nên $\frac{-5}{13} > \frac{-7}{13}$	0,25 0,25								
	b/ Thực hiện phép tính: $\frac{-3}{4} + \frac{13}{15} \cdot \frac{5}{13} = \frac{-3}{4} + \frac{1}{3} = \frac{-9+4}{12} = \frac{-5}{12}$	0,75								
2	Tìm x biết: $x - 7,15 = 4,85 \Rightarrow x = 4,85 + 7,15 = 12$	0,5								
3	a) Lập bảng thống kê:	0,5								
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Môn thể thao</th> <th>Bóng đá</th> <th>Bóng chuyền</th> <th>Bơi lội</th> <th>Môn thể thao khác</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Số lượng HS</td> <td>25</td> <td>10</td> <td>10</td> <td>5</td> </tr> </tbody> </table>		Môn thể thao	Bóng đá	Bóng chuyền	Bơi lội	Môn thể thao khác	Số lượng HS	25	10
Môn thể thao	Bóng đá	Bóng chuyền	Bơi lội	Môn thể thao khác						
Số lượng HS	25	10	10	5						
	b) Vẽ đúng biểu đồ cột (có tên biểu đồ, tên cột ngang, cột dọc)	0,75								
4	a/ Số tiền phải trả cho cây Vợt sau khi đã tính thuế VAT là: $560\ 000 + 560\ 000 \cdot 10\% = 616\ 000$ đồng	0,5								
	b/ Số tiền phải trả cho Tút cầu có thuế VAT là: $990\ 000 - 616\ 000 = 374\ 000$ đồng Số tiền phải trả cho 1 quả cầu có thuế VAT là: $374\ 000 : 20 = 18\ 700$ đồng Gọi a là giá của 1 quả cầu khi chưa có thuế VAT $a + a \cdot 10\% = 18\ 700$ $\Rightarrow a \cdot (1 + 10\%) = 18\ 700$ $\Rightarrow a = 18\ 700 : \frac{11}{10} = 17\ 000$ đồng	0,25 0,25								
	Vậy giá một quả cầu khi chưa có thuế VAT là 17 000 đồng.	0,25								
5	a/ Vẽ hình đúng	0,25								
	 <p>Nêu được tên 2 tia đối nhau gốc N hoặc gốc M hoặc gốc O (nhưng không được nêu lại 2 tia Ox, Oy đề cho)</p>	0,25								
	b/ Lý luận và tính được OA = 2cm; Lý luận và tính được AN = 5cm	0,25 0,25								

-----HẾT-----



Mã đề 601

Môn: TOÁN 6

(Đề kiểm tra gồm 3 trang)

Tiết theo KHDH: số học: tiết 96; hình học: tiết 44

Thời gian làm bài: 90 phút

I/ Trắc nghiệm (3 điểm):

Ghi vào bài làm chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Số lượng giày bán được trong tháng của một cửa hàng được ghi lại như sau:

Cỡ giày	35	36	37	38	39	40
Số giày bán được	80	90	120	70	50	30

Cỡ giày cửa hàng bán được nhiều nhất là:

- A. 120 B. 37 C. 36 D. 90

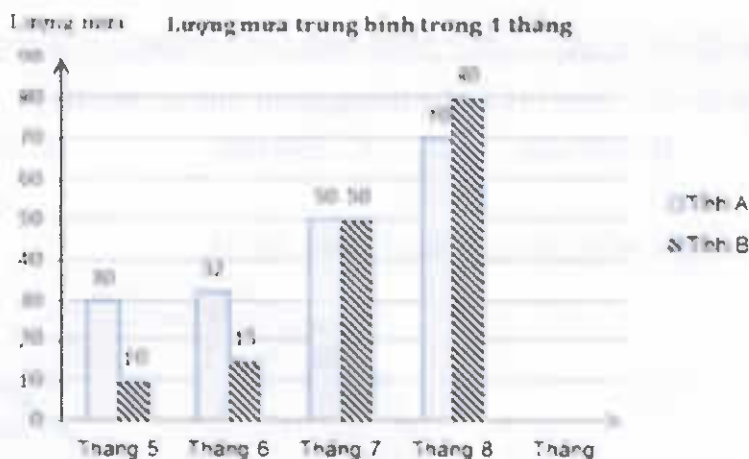
Câu 2: Một cửa hàng thống kê số lượng sách giáo khoa bán được trong ngày thông qua biểu đồ tranh dưới đây:

Toán	
Ngữ Văn	
Tin Học	
Lịch sử và Địa lí	
Khoa học tự nhiên	
: 5 quyển sách	

Số quyển sách Toán cửa hàng bán được là:

- A. 20 quyển B. 25 quyển C. 30 quyển D. 35 quyển

Câu 3: Lượng mưa trung bình ở hai tỉnh A và B từ tháng 5 đến tháng 8 được cho bởi biểu đồ sau:



Tháng nào tỉnh B có lượng mưa thấp nhất?

- A. Tháng 5 B. Tháng 6 C. Tháng 7 D. Tháng 8

Câu 4: Gieo một con xúc xắc 11 lần liên tiếp. Có 4 lần xuất hiện mặt 3 chấm. Xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 3 chấm bằng:

- A. $\frac{11}{4}$ B. $\frac{4}{11}$ C. $\frac{3}{11}$ D. $\frac{3}{4}$

Câu 5: Tung một đồng xu 30 lần liên tiếp. Có 13 lần xuất hiện mặt ngửa. Xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt sấp bằng:

- A. $\frac{17}{30}$ B. $\frac{13}{30}$ C. $\frac{30}{17}$ D. $\frac{30}{13}$

Câu 6: Phân số nào dưới đây bằng với phân số $\frac{-3}{5}$?

- A. $\frac{3}{5}$ B. $\frac{-6}{10}$ C. $\frac{6}{10}$ D. $\frac{-6}{15}$

Câu 7: Cho 12 điểm trong đó không có ba điểm nào thẳng hàng. Vẽ đường thẳng đi qua các cặp điểm. Hỏi vẽ được bao nhiêu đường thẳng?

- A. 46 B. 56 C. 66 D. 76

Câu 8: Phân số $-\frac{2601}{100}$ được viết dưới dạng số thập phân là:

- A. -0,2601 B. -2,601 C. -26,01 D. -260,1

Câu 9: Kết quả của phép tính: $57,47 + 25,28$ là:

- A. -82,75 B. 82,75 C. 72,75 D. -72,75

Câu 10: Kết quả của phép tính: $(-6,12) \cdot 1,4$ là:

- A. 85,68 B. 8,568 C. -8,568 D. -85,68

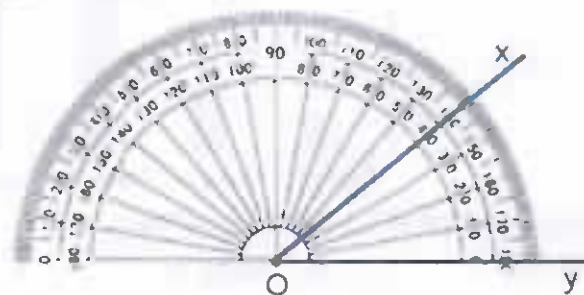
Câu 11: Cho các điểm A_1, A_2, \dots, A_{100} phân biệt cùng thuộc một đường thẳng.

Có bao nhiêu cặp tia đối nhau? (Các tia trùng nhau tính là một tia)

- A. 400 cặp B. 300 cặp C. 200 cặp D. 100 cặp

Câu 12: Số đo của góc xOy trong hình vẽ dưới đây là:

- A. 40°
B. 140°
C. 30°
D. 150°



II/ Tự luận (7 điểm):

Bài 1 (2 điểm):

1. Thực hiện phép tính:

a) $\frac{-3}{13} + \frac{2}{-13}$

b) $(-3,27).1,5$

2. Tính bằng cách hợp lý:

a) $\frac{5}{8} \cdot \frac{-2}{11} + \frac{5}{8} \cdot \frac{-9}{11}$

b) $76,45 + (-4,8) + 23,55 + (-5,2)$

Bài 2 (1,5 điểm):

1. Tìm x thỏa mãn:

a) $\frac{13}{21}x - \frac{1}{12} = \frac{5}{18}$

b) $\frac{-8}{19} < \frac{x}{19} < \frac{-6}{19}$ với $x \in \mathbb{Z}$

2. Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần:

- 3,81 - 2,15 4,125 1,54 4,12

Bài 3 (1 điểm): Trong đợt phát động “Góp một cuốn sách nhỏ, đọc ngàn cuốn sách hay”, ba khối của một trường THPT đã đóng góp sách vào thư viện nhà trường như sau: Khối 10, 11 đóng góp được lần lượt là $\frac{2}{5}$ và $\frac{4}{15}$ số sách trong đợt, khối 12

đóng góp số sách còn lại trong đợt.

- a) Cả khối 10 và khối 11 đóng góp được bao nhiêu phần số sách trong đợt ?
- b) Khối 12 đóng góp được bao nhiêu phần số sách trong đợt ?

Bài 4 (2 điểm): Trên tia Ox, lấy 2 điểm A và B sao cho OA = 5cm, OB = 8cm.

- a) Tính độ dài đoạn thẳng AB.
- b) Kể tên 1 cặp tia đối nhau gốc A, 1 cặp tia trùng nhau gốc A.
- c) Vẽ tia At sao cho góc xAt bằng 60° . Kể tên các góc đỉnh A có trên hình.
- d) Mỗi góc đỉnh A kể trên là loại góc nhọn, góc vuông, góc tù hay góc bẹt ?
(Dùng thước đo góc để kiểm tra)

Bài 5 (0,5 điểm): Chứng minh rằng:

$$\frac{1}{2^2} + \frac{1}{3^2} + \frac{1}{4^2} + \dots + \frac{1}{100^2} < 1$$

Mã đề 602
 (Đề kiểm tra gồm 3 trang)

Môn: TOÁN 6
 Tiết theo KHDH: số học: tiết 96; hình học: tiết 44
 Thời gian làm bài: 90 phút

I/ Trắc nghiệm (3 điểm):

Ghi vào bài làm chữ cái đứng trước câu trả lời đúng :







Câu 1: Số lượng giày bán được trong tháng của một cửa hàng được ghi lại như sau:

Cỡ giày	35	36	37	38	39	40
Số giày bán được	80	90	120	70	50	30

Cỡ giày cửa hàng bán được ít nhất là:

- A. 40 B. 30 C. 59 D. 50

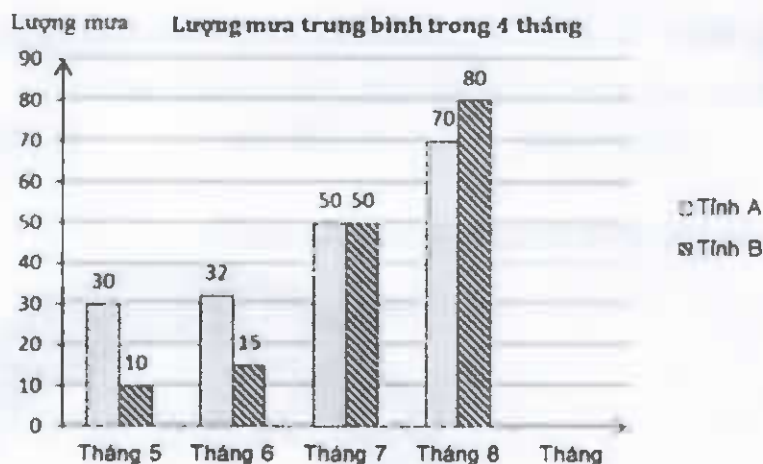
Câu 2: Một cửa hàng thống kê số lượng sách giáo khoa bán được trong ngày thông qua biểu đồ tranh dưới đây:

Toán	
Ngữ Văn	
Tin Học	
Lịch sử và Địa lí	
Khoa học tự nhiên	
 : 5 quyển sách	

Số quyển sách Ngữ Văn cửa hàng bán được là:

- A. 10 quyển B. 20 quyển C. 30 quyển D. 40 quyển

Câu 3: Lượng mưa trung bình ở hai tỉnh A và B từ tháng 5 đến tháng 8 được cho bởi biểu đồ sau:



Tháng nào tỉnh B có lượng mưa cao nhất?

- A. Tháng 5 B. Tháng 6 C. Tháng 7 D. Tháng 8

Câu 4: Gieo một con xúc xắc 23 lần liên tiếp. Có 4 lần xuất hiện mặt 3 chấm. Xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 3 chấm bằng:

- A. $\frac{4}{23}$ B. $\frac{23}{4}$ C. $\frac{3}{23}$ D. $\frac{3}{4}$

Câu 5: Tung một đồng xu 29 lần liên tiếp. Có 15 lần xuất hiện mặt ngửa. Xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt sấp bằng:

- A. $\frac{15}{29}$ B. $\frac{29}{15}$ C. $\frac{14}{29}$ D. $\frac{29}{14}$

Câu 6: Phân số nào dưới đây bằng với phân số $\frac{-3}{4}$?

- A. $\frac{9}{12}$ B. $\frac{-9}{-12}$ C. $\frac{-6}{8}$ D. $\frac{-15}{16}$

Câu 7: Cho 11 điểm trong đó không có ba điểm nào thẳng hàng. Vẽ đường thẳng đi qua các cặp điểm. Hỏi vẽ được bao nhiêu đường thẳng?

- A. 85 B. 75 C. 65 D. 55

Câu 8: Phân số $-\frac{7593}{1000}$ được viết dưới dạng số thập phân là:

- A. - 0,7593 B. - 7,593 C. - 75,93 D. - 759, 3

Câu 9: Kết quả của phép tính: $65,38 + 32,47$ là:

- A. 97,85 B. - 97,85 C. 98,95 D. - 98,85

Câu 10: Kết quả của phép tính: $(-6,35) \cdot 1,5$ là:

- A. 9,525 B. -9,525 C. 95,25 D. - 95,25

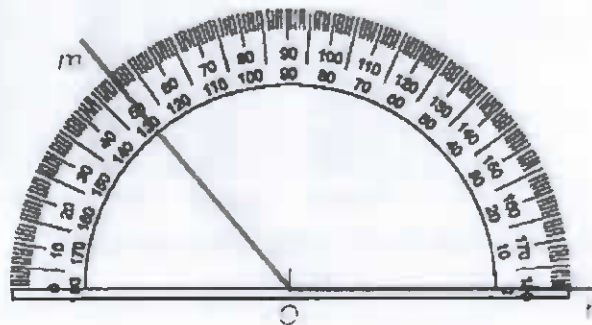
Câu 11: Cho các điểm A_1, A_2, \dots, A_{200} phân biệt cùng thuộc một đường thẳng.

Có bao nhiêu cặp tia đối nhau? (Các tia trùng nhau tính là một tia)

- A. 400 cặp B. 300 cặp C. 200 cặp D. 100 cặp

Câu 12: Số đo của góc mOn trong hình vẽ dưới đây là:

- A. 40°
B. 140°
C. 50°
D. 130°



II/ Tự luận (7 điểm):

Bài 1 (2 điểm):

1. Thực hiện phép tính:

a) $\frac{-5}{17} + \frac{3}{-17}$

b) $(-3,46) \cdot 1,5$

2. Tính bằng cách hợp lý:

a) $\frac{3}{8} \cdot \frac{-11}{15} + \frac{3}{8} \cdot \frac{-4}{15}$

b) $46,82 + (-2,5) + 53,18 + (-7,5)$

Bài 2 (1,5 điểm):

1. Tìm x thoả mãn:

a) $\frac{7}{8}x + \frac{3}{10} = \frac{8}{15}$

b) $\frac{-10}{17} < \frac{x}{17} < \frac{-8}{17}$ với $x \in \mathbb{Z}$

2. Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần:

- 6,64 - 5,47 2,584 1,92 2,58

Bài 3 (1 điểm): Ba ô tô cùng vận chuyển long nhãn từ một kho ở Hưng Yên lên Hà

Nội. Ô tô thứ nhất và ô tô thứ hai chuyển được lần lượt là $\frac{2}{9}$ và $\frac{11}{18}$ số long nhãn

trong kho, ô tô thứ ba vận chuyển số long nhãn còn lại.

- a) Cả ô tô thứ nhất và ô tô thứ hai vận chuyển được bao nhiêu phần số long nhãn trong kho ?
- b) Ô tô thứ ba vận chuyển được bao nhiêu phần số long nhãn trong kho ?

Bài 4 (2 điểm): Trên tia Ox, lấy 2 điểm M và N sao cho $OM = 4\text{cm}$, $ON = 7\text{cm}$.

- a) Tính độ dài đoạn thẳng MN.
- b) Kẻ tên 1 cặp tia đối nhau gốc M, 1 cặp tia trùng nhau gốc M.
- c) Vẽ tia Mt sao cho góc xMt bằng 60° . Kể tên các góc đỉnh M có trên hình.
- d) Mỗi góc đỉnh M kể trên là loại góc nhọn, góc vuông, góc tù hay góc bẹt ?
(Dùng thước đo góc để kiểm tra)

Bài 5 (0,5 điểm): Chứng minh rằng:

$$\frac{1}{2^2} + \frac{1}{3^2} + \frac{1}{4^2} + \dots + \frac{1}{90^2} < 1$$

Phần I. Trắc nghiệm (2 điểm)

Hãy viết vào bài làm chữ cái đúng trước phương án đúng cho mỗi câu sau:

Câu 1: số đối của số $\frac{-5}{12}$ là:

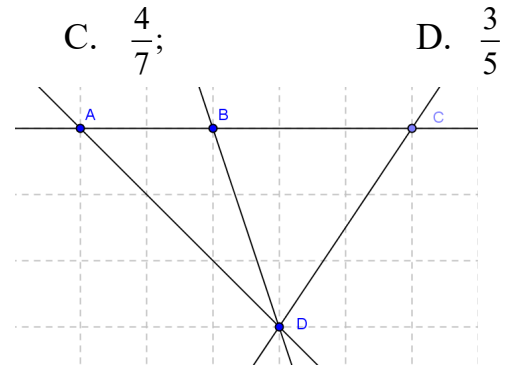
- A. $\frac{5}{-12}$ B. $\frac{12}{-5}$ C. $-\frac{5}{12}$ D. $\frac{5}{12}$

Câu 2: trong các phân số: $\frac{1}{2}$; $\frac{2}{3}$; $\frac{4}{7}$; $\frac{3}{5}$, phân số nào lớn nhất?

- A. $\frac{1}{2}$; B. $\frac{2}{3}$; C. $\frac{4}{7}$; D. $\frac{3}{5}$

Câu 3: số đường thẳng phân biệt trong hình vẽ là:

- A. 4 B. 5
C. 6 D. 7

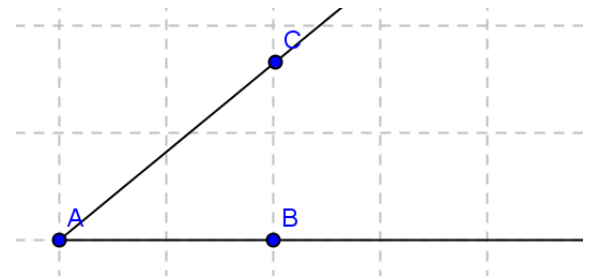


Câu 4: vẽ được bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt A, B cho trước?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 0

Câu 5: Quan sát hình vẽ sau và chọn phát biểu đúng trong các phát biểu sau:

- A. Góc ABC có đỉnh B, hai cạnh là hai tia BA; BC
B. Góc BAC có đỉnh A, hai cạnh là hai tia AB; AC
C. Góc ACB có đỉnh C, hai cạnh là hai tia CA; CB
D. Góc BAC có đỉnh B, hai cạnh là hai tia BA; BC

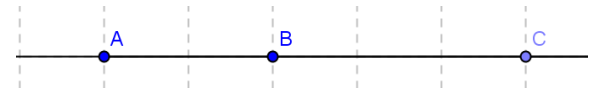


Câu 6: cho các chữ cái sau đây, những chữ cái nào có trục đối xứng là: H, K, M, N, X

- A. H, K, M, X B. H, M, X, N C. H, N, X

Câu 7: dựa vào hình vẽ, hãy chọn khẳng định sai trong các khẳng định sau đây?

- A. Ba điểm A, B, C thẳng hàng
B. Ba điểm A, B, C cùng thuộc một đường thẳng
C. Điểm C nằm giữa hai điểm A và B
D. Điểm B nằm giữa hai điểm A và C



Câu 8: góc có hai cạnh MP và MQ là góc nào?

- A. Góc MQP B. Góc MPQ C. Góc PQM D. Góc PMQ

Phần II. Tự luận (8 điểm)

Câu 1: (2,5 điểm) Tính

1.1 (1,0 điểm) $A = \frac{2}{7} - \frac{-3}{11} + \frac{5}{7} - \frac{1}{-4} - \frac{6}{11}$

1.2 (1,0 điểm) $B = 3,4 \cdot (-23,68) - 3,4 \cdot 45,12 + (-31,2) \cdot 3,4$

1.3 (0,5 điểm) $C = \frac{1+(1+2)+(1+2+3)+\dots+(1+2+3+\dots+2023)}{1 \cdot 2023 + 2 \cdot 2022 + 3 \cdot 2021 + \dots + 2023 \cdot 1}$

Câu 2 (1,5 điểm)

2.1 (0,5 điểm) tính tỉ số phần trăm của 2700m và 6 km

2.2 (0,5 điểm) Tìm x biết $\frac{1}{7} - \left(\frac{5}{21} - x \right) = \frac{7}{3}$

2.3 (0,5 điểm) so sánh: $\frac{5}{-12}$ và $\frac{8}{-5}$

Câu 3(1,5 điểm)

3.1 (0,5 điểm) quy tròn số 2345,6789 đến hàng chục ta được số nào?

3.2 (1,0 điểm) bạn An đọc một cuốn sách trong ba ngày. Ngày thứ nhất đọc $\frac{1}{3}$ số trang sách. Ngày thứ hai đọc $\frac{3}{8}$ số trang sách còn lại. ngày thứ ba đọc hết 80 trang còn lại của sách. Hỏi cuốn sách đó có bao nhiêu trang?

Câu 4 (3,0 điểm) vẽ hình theo cách diễn đạt sau:

Cho hai đường thẳng a, b cắt nhau tại N, đường thẳng c cắt đường thẳng a tại M và cắt đường thẳng b tại P. vẽ đường thẳng Q sao cho điểm Q nằm giữa hai điểm N và M. vẽ điểm E là điểm sao cho điểm P nằm giữa hai điểm N và R. vẽ đoạn thẳng QR. Vẽ điểm I sao cho M, I, P thẳng hàng và Q, I, R thẳng hàng.

Câu 5 (1,5 điểm)

5.1 (0,5 điểm) vẽ một tam giác đều, vẽ trục đối xứng, tâm đối xứng của nó (nếu có)

5.2 (1,0 điểm) gọi A và B là hai điểm trên tia Ox. Biết OA = 4 cm, AB = 2 cm. tính độ dài đoạn thẳng OB.

---Hết---

ĐỀ 1 -A

I. TRẮC NGHIỆM. (3,0 điểm)

Học sinh chọn câu trả lời đúng nhất cho các câu sau, mỗi câu đúng đạt 0,25 đ.

Câu 1. Phân số $\frac{23}{5}$ viết dưới dạng hỗn số là:

A. $1\frac{3}{5}$

B. $2\frac{3}{5}$

C. $3\frac{3}{5}$

D. $4\frac{3}{5}$

Câu 2. Hỗn số $3\frac{4}{5}$ viết dưới dạng phân số là:

A. $\frac{19}{5}$

B. $\frac{18}{5}$

C. $\frac{17}{5}$

D. $\frac{16}{5}$

Câu 3. Kết quả làm tròn số 2,378 đến chữ số thập phân thứ hai là:

A. 2,38;

B. 2,37;

C. 2,3;

D. 2,4.

Câu 4. Tỉ số của hai số 57 và 200 là:

A. 57;

B. 200;

C. $\frac{200}{57}$;

D. $\frac{57}{200}$.

Câu 5. $\frac{1}{5}$ của số đó bằng 200, số đó là:

A. 2000;

B. 1500;

C. 1000;

D. 400.

Câu 6. Cách viết nào sau đây biểu diễn cho cách viết phân số?

A. $\frac{-11}{12}$.

B. $\frac{7,5}{2}$.

C. $\frac{-15}{0,4}$.

D. $\frac{-21}{0,4}$.

Câu 7. Cơ thể người có khoảng $\frac{70}{100}$ là nước. Hậu cân nặng 50 kg, em hãy cho biết khối lượng nước có trong cơ thể Hậu?

A. 53 kg.

B. 350kg.

C. 35 kg.

D. 3500kg.

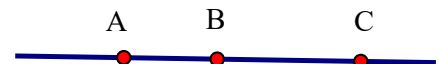
Câu 8. Dựa vào hình vẽ, hãy chọn khẳng định sai trong các khẳng định sau đây?

A. Ba điểm A, B, C thẳng hàng.

B. Điểm C nằm giữa hai điểm A và B.

C. Ba điểm A, B, C cùng thuộc một đường thẳng.

D. Điểm B nằm giữa hai điểm A và C.



Câu 9. Số đo của góc bẹt bằng bao nhiêu?

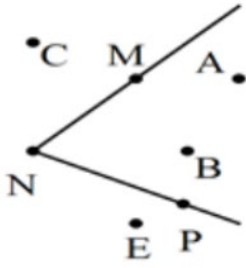
A. 30° .

B. 120° .

C. 90° .

D. 180° .

Câu 10. Cho hình vẽ. Có bao nhiêu điểm nằm bên trong góc MNP ?



A. 1.

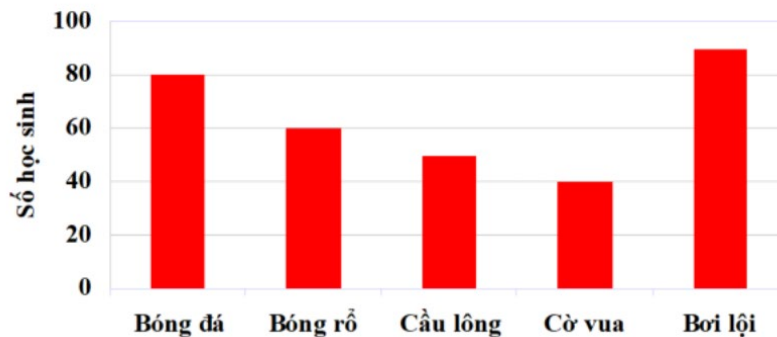
B. 2.

C. 3.

D. 4.

Sử dụng dữ liệu sau đây để làm câu 11, 12

Môn thể thao yêu thích



Biểu đồ sau đây cho biết môn thể thao yêu thích nhất của các bạn học sinh khối 6 một trường THCS.

Câu 11. Môn thể thao được yêu thích nhất là:

A. Bóng đá.

B. Bóng rổ.

C. Cầu lông.

D. Bơi lội.

Câu 12. Số học sinh thích môn **cầu lông** là?

A. 40.

B. 50.

C. 60.

D. 80.

II. TỰ LUẬN.(7,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm). Tính:

$$a) \frac{1}{3} + \frac{2}{3}$$

$$b) \frac{1}{2} + \frac{2}{5}$$

$$c) \frac{3}{7} \cdot \frac{9}{11} + \frac{3}{7} \cdot \frac{5}{11} - \frac{3}{7} \cdot \frac{25}{11};$$

Bài 2. (1,5 điểm). Tìm x, biết:

$$a) \frac{5}{3} - x = 2\frac{1}{3}$$

$$b) \frac{4}{5} \cdot x = \frac{13}{5}$$

$$c) 4\frac{1}{5} : x = 1\frac{2}{5}$$

Bài 3. (1,0 điểm). Khối 6 của trường THCS A có tổng cộng 90 học sinh. Cuối năm có 20 % học sinh được xếp loại xuất sắc. Em hãy tính xem có bao nhiêu học sinh được xếp loại xuất sắc?

Bài 4. (1,0 điểm) Trên tia Ox vẽ hai điểm M và N sao cho OM = 7cm, ON = 3,5cm.

a) Trong ba điểm M, N, O điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại? Vì sao?

b) Điểm N có là trung điểm của đoạn thẳng OM không? Vì sao?

Bài 5. (1,0 điểm). Vẽ hình theo mô tả sau:

a) Vẽ góc xOy có số đo bằng 70° , trên tia Ox lấy hai điểm A và B sao cho $OA = 3 \text{ cm}$, $OB = 5 \text{ cm}$. Trên tia Oy lấy hai điểm C và D sao cho $OC = 3,5 \text{ cm}$, $OD = 5,5 \text{ cm}$.

b) Hai đoạn thẳng AD và BC có cắt nhau không? Vì sao?

Bài 6. (1,0 điểm). Vào tháng 9, giá bán của một chiếc máy tính là 24 000 000 đồng. Đến tháng 10, cửa hàng tăng giá lên 20%. Tính giá bán của chiếc máy tính đó vào tháng 10.

---HẾT---

Thời gian làm bài: 90 phút (không tính thời gian giao đề)

ĐỀ 1 -B

I. TRẮC NGHIỆM. (3,0 điểm)

Học sinh chọn câu trả lời đúng nhất cho các câu sau, mỗi câu đúng đạt 0,25 đ.

Câu 1. Tỉ số của hai số 57 và 200 là:

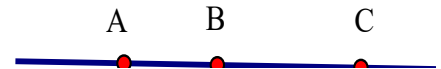
- A. 57; B. 200; C. $\frac{200}{57}$; D. $\frac{57}{200}$.

Câu 2. $\frac{1}{5}$ của số đó bằng 200, số đó là:

- A. 2000; B. 1500; C. 1000; D. 400.

Câu 3. Dựa vào hình vẽ, hãy chọn khẳng định **sai** trong các khẳng định sau đây?

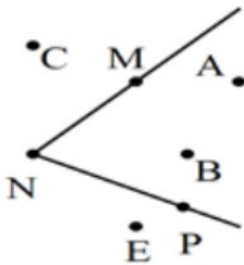
- A. Ba điểm A, B, C thẳng hàng.
B. Điểm C nằm giữa hai điểm A và B.
C. Ba điểm A, B, C cùng thuộc một đường thẳng.
D. Điểm B nằm giữa hai điểm A và C.



Câu 4. Số đo của góc bẹt bằng bao nhiêu?

- A. 30° . B. 120° . C. 90° . D. 180° .

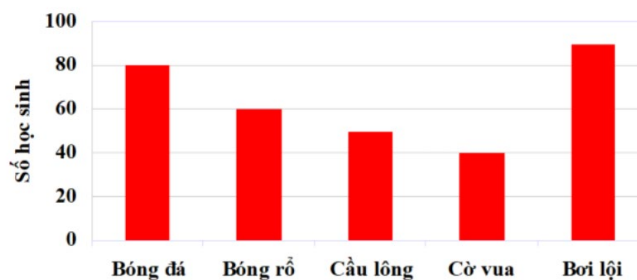
Câu 5. Cho hình vẽ. Có bao nhiêu điểm nằm bên trong góc MNP ?



- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Sử dụng dữ liệu sau đây để làm câu 6, 7

Môn thể thao yêu thích



Biểu đồ sau đây cho biết môn thể thao yêu thích nhất của các bạn học sinh khối 6 một trường THCS.

Câu 6. Môn thể thao được yêu thích nhất là:

- A. Bóng đá. B. Bóng rổ. C. Cầu lông. D. Bơi lội.

Câu 7. Số học sinh thích môn **cầu lông** là?

- A. 40. B. 50. C. 60. D. 80.

Câu 8. Phân số $\frac{23}{5}$ viết dưới dạng hỗn số là:

- A. $1\frac{3}{5}$ B. $2\frac{3}{5}$ C. $3\frac{3}{5}$ D. $4\frac{3}{5}$

Câu 9. Hỗn số $3\frac{4}{5}$ viết dưới dạng phân số là:

- A. $\frac{19}{5}$ B. $\frac{18}{5}$ C. $\frac{17}{5}$ D. $\frac{16}{5}$

Câu 10. Kết quả làm tròn số 2,378 đến chữ số thập phân thứ hai là:

- A. 2,38; B. 2,37; C. 2,3; D. 2,4.

Câu 11. Cách viết nào sau đây biểu diễn cho cách viết phân số?

- A. $\frac{-11}{12}$. B. $\frac{7,5}{2}$. C. $\frac{-15}{0,4}$. D. $\frac{-21}{0,4}$.

Câu 12. Cơ thể người có khoảng $\frac{70}{100}$ là nước. Hậu cân nặng 50 kg, em hãy cho biết khối lượng nước có trong cơ thể Hậu?

- A. 53 kg. B. 350kg. C. 35 kg. D. 3500kg.

II. TỰ LUẬN.(7,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm). Tính:

a) $\frac{1}{3} + \frac{2}{3}$ b) $\frac{1}{2} + \frac{2}{5}$ c) $\frac{3}{7} \cdot \frac{9}{11} + \frac{3}{7} \cdot \frac{5}{11} - \frac{3}{7} \cdot \frac{25}{11}$;

Bài 2. (1,5 điểm). Tìm x, biết:

a) $\frac{5}{3} - x = 2\frac{1}{3}$ b) $\frac{4}{5} \cdot x = \frac{13}{5}$ c) $4\frac{1}{5} : x = 1\frac{2}{5}$

Bài 3. (1,0 điểm). Khối 6 của trường THCS A có tổng cộng 90 học sinh. Cuối năm có 20% học sinh được xếp loại xuất sắc. Em hãy tính xem có bao nhiêu học sinh được xếp loại xuất sắc?

Bài 4.(1,0 điểm). Trên tia Ox vẽ hai điểm M và N sao cho OM = 7cm, ON = 3,5cm.

- a) Trong ba điểm M, N, O điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại? Vì sao?
b) Điểm N có là trung điểm của đoạn thẳng OM không? Vì sao?

Bài 5. (1,0 điểm). Vẽ hình theo mô tả sau:

a) Vẽ góc xOy có số đo bằng 70° , trên tia Ox lấy hai điểm A và B sao cho OA = 3 cm, OB = 5 cm. Trên tia Oy lấy hai điểm C và D sao cho OC = 3,5 cm, OD = 5,5 cm.

- b) Hai đoạn thẳng AD và BC có cắt nhau không? Vì sao?

Bài 6. (1,0 điểm). Vào tháng 9, giá bán của một chiếc máy tính là 24 000 000 đồng. Đến tháng 10, cửa hàng tăng giá lên 20%. Tính giá bán của chiếc máy tính đó vào tháng 10.

---HẾT---

Thời gian làm bài: 90 phút (không tính thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM. (3 điểm)

Mỗi câu đúng được **0,25 điểm**

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
ĐỀ A	D	A	A	D	C	A	C	B	D	B	D	B
ĐỀ B	D	C	B	D	B	D	B	D	A	A	A	C

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
Bài 1 (1,5 điểm)	a) $\frac{1}{3} + \frac{2}{3} = \frac{1+2}{3} = \frac{3}{3} = 1$	0,5
	b) $\frac{1}{2} + \frac{2}{5} = \frac{5}{10} + \frac{4}{10} = \frac{9}{10}$	0,5
	c) $\frac{3}{7} \cdot \frac{9}{11} + \frac{3}{7} \cdot \frac{5}{11} - \frac{3}{7} \cdot \frac{25}{11};$ $= \frac{3}{7} \cdot \left(\frac{9}{11} + \frac{5}{11} - \frac{25}{11} \right)$	0,25
	$= \frac{3}{7} \cdot \frac{-11}{11} = \frac{-3}{7};$	0,25
Bài 2 (1,5 điểm)	a) $\frac{5}{3} - x = 2\frac{1}{3}$ $x = \frac{5}{3} - \frac{7}{3}$ $x = \frac{-2}{3}$	0,25
	$\frac{4}{5} \cdot x = \frac{13}{5}$	
	b) $x = \frac{13}{5} : \frac{4}{5}$ $x = \frac{13}{4}$	0,25
		0,25
	c) $4\frac{1}{5} : x = 1\frac{2}{5}$ $x = 4\frac{1}{5} : 1\frac{2}{5}$ $x = \frac{21}{5} \cdot \frac{5}{7}$ $x = 3$	0,25
		0,25

Bài 3 (1,0 điểm)	Số học sinh được xếp loại xuất sắc là: $90 \cdot \frac{20}{100} = 18$ (học sinh)	1,0
Bài 4 (1,0 điểm)	a) Điểm N nằm giữa hai điểm O và M vì $ON < OM$ (3,5cm < 7cm)	0,5
	b) Vì điểm M nằm giữa hai điểm O và N Nên: $ON + MN = OM$ $3,5 + MN = 7$ $MN = 7 - 3,5$ $MN = 3,5$ cm	0,25
	Vậy: N là trung điểm của đoạn thẳng OM Vì: N nằm giữa hai điểm O và M và $ON = MN = 3,5$ cm	0,25
Bài 5 (1,0 điểm)	a) Vẽ đúng hình theo mô tả	0,5
	b) Vẽ đúng hai đoạn thẳng AD và BC; Giải thích đúng hai đoạn thẳng cắt nhau	0,5
Bài 6 (1,0 điểm)	Số tiền tăng thêm 20% là: $(24\ 000\ 000 \cdot 20) : 100 = 4\ 800\ 000$ (đồng)	0,5
	Tổng số tiền phải trả là: $24\ 000\ 000 + 4\ 800\ 000 = 28\ 800\ 000$ (đồng)	0,5

Lưu ý: HS có cách giải khác đúng, đạt điểm tương đương

Phần 1(4 điểm). Trắc nghiệm khách quan

Em hãy ghi lại đáp án đúng

Câu 1. Cách viết nào sau đây biểu diễn cho cách viết phân số?

- A. $\frac{11}{-12}$. B. $\frac{7,5}{-2}$. C. $\frac{-15}{0,4}$. D. $\frac{-21}{0}$.

Câu 2. Số đối của phân số $\frac{6}{-11}$ là số nào?

- A. $\frac{6}{11}$. B. $\frac{11}{6}$. C. $\frac{-11}{6}$. D. $\frac{11}{-6}$

Câu 3. Số đối của số -3,14 là:

- A. 3, 14 B. 4, 13 C. -3,14 D. -4, 13

Câu 4. Trong các số sau số nào là số thập phân âm

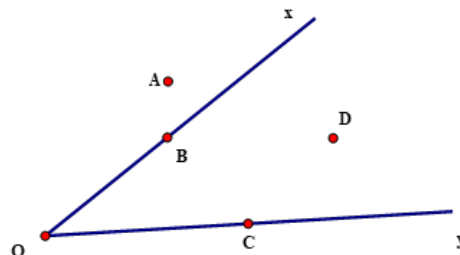
- A. $\frac{-11}{-3}$ B. 0 C. -23, 154 D. $-\frac{89}{-12}$

Câu 5. Góc là hình gồm:

- A. hai tia cắt nhau. B. hai tia cùng thuộc một mặt phẳng.
C. hai tia D. hai tia chung gốc.

Câu 6. Cho hình vẽ, điểm nằm trong góc xOy là:

- A. Điểm A
B. Điểm B
C. Điểm C
D. Điểm D



Câu 7. Cho góc xOy = 60°. Hỏi số đo góc xOy bằng mấy lần số đo góc bẹt?

- A. 3. B. 2. C. $\frac{1}{2}$. D. $\frac{1}{3}$.

Câu 8. Cho $\widehat{xOy} = 80^\circ$, \widehat{mAn} là góc vuông. Khi đó:

- A. $\widehat{xOy} > \widehat{mAn}$. B. $\widehat{xOy} = \widehat{mAn}$. C. $\widehat{xOy} < \widehat{mAn}$. D.

$\widehat{xOy} = \frac{1}{2} \widehat{mAn}$ **Câu 9.** Biết góc xOy là góc nhọn. Khi đó:

- A. $\widehat{xOy} > 90^\circ$. B. $\widehat{xOy} = 180^\circ$. C. $\widehat{xOy} = 90^\circ$. D. $\widehat{xOy} < 90^\circ$.

Câu 10. Đồng hồ treo tường đang chỉ 8 giờ đúng. Khi đó góc tạo bởi kim giờ và kim phút là:

- A. Góc nhọn B. Góc vuông C. Góc tù D. Góc bẹt.

Câu 11. Biết góc xOy là góc nhọn, góc yOz là góc tù, góc zOt là góc vuông, góc mOn là góc bẹt. Cách sắp xếp các góc theo thứ tự số đo từ nhỏ đến lớn sau, cách nào đúng?

A. $\widehat{xOy} < \widehat{yOz} < \widehat{zOt} < \widehat{mOn}$.

B. $\widehat{mOn} < \widehat{zOt} < \widehat{yOz} < \widehat{xOy}$

C. $\widehat{xOy} < \widehat{zOt} < \widehat{yOz} < \widehat{mOn}$.

D. $\widehat{xOy} < \widehat{mOn} < \widehat{yOz} < \widehat{zOt}$.

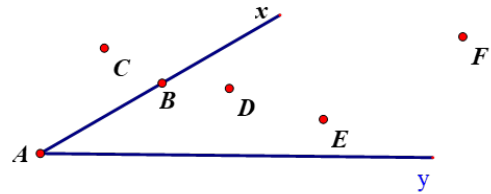
Câu 12. Cho hình vẽ sau. Có bao nhiêu điểm **không** nằm trong \widehat{xAy} ?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4



Câu 13. Ta có thể xem kim giờ và kim phút của đồng hồ là hai tia chung gốc (góc trùng với trục quay của hai kim). Tại mỗi thời điểm, hai kim tạo thành một góc. Quan sát các đồng hồ sau và sắp xếp các hình đồng hồ theo thứ tự **giảm dần** số đo của góc tạo bởi kim giờ và kim phút.



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1, hình 2, hình 3, hình 4

C. Hình 3, hình 2, hình 4, hình 1

B. Hình 1, hình 2, hình 4, hình 3

D. Hình 3, hình 4, hình 1, hình 2

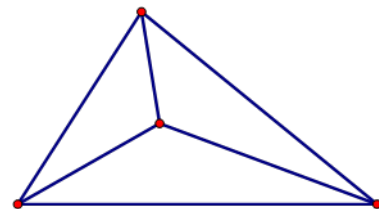
Câu 14. Trong hình bên có tất cả:

A. 6 góc.

B. 9 góc.

C. 12 góc.

D. 15 góc.



Câu 15. Cho phép thử nghiệm gieo con xúc xắc 6 mặt. Sự kiện nào trong các sự kiện sau có thể xảy ra:

A. “Số chấm nhỏ hơn 5”.

B. “Số chấm lớn hơn 6”.

C. “Số chấm bằng 0”.

D. “Số chấm bằng 7”.

Câu 16. Một hộp có 5 chiếc thẻ cùng loại, mỗi thẻ được ghi một trong các số 1, 2, 3, 4, 5; hai thẻ khác nhau thì ghi số khác nhau. Rút ngẫu nhiên một thẻ. Những kết quả có thể xảy ra đối với số xuất hiện trên thẻ được rút ra là:

A. 5.

B. 1, 2, 3, 4, 5.

C. 1, 2, 3.

D. 1, 2.

Phần 2(6 điểm). Tự luận

Câu 1(1,0 điểm)

a) Tính: $\frac{2}{5} - \frac{8}{9} \cdot \frac{-27}{40}$

b) Tìm x biết: $\frac{9}{7} - \frac{2}{7} : x = 1$.

Câu 2 (2,0 điểm)

Một cung thủ bắn mũi tên vào một tấm bia. Điểm số ở các lần bắn được cho bởi bảng sau:

7	8	9	9	8	10	10	9	8	10
8	8	9	10	10	7	6	6	9	9

a) Cung thủ đã bắn bao nhiêu lần vào tấm bia?

b) Lập bảng thống kê số điểm của cung thủ sau các lần bắn và cho biết cung thủ đã bắn bao nhiêu lần đạt điểm 10?

Câu 3 (2,0 điểm)

Hòa và Bình cùng chơi trò chơi gieo xúc xắc, từng người chơi lần lượt gieo và mỗi người gieo 10 lần, người thắng là người gieo được tổng số chấm lớn hơn sau 10 lần thực hiện. Kết quả sau 10 lượt chơi của hai bạn được ghi lại như sau:

Hòa: 1; 2; 5; 6; 3; 4; 2; 3; 4; 6.

Bình: 3; 5; 6; 3; 5; 6; 4; 1; 2; 6.

a) Em hãy cho biết trong hai sự kiện “ Hòa thắng” và “Bình thắng” sự kiện nào xảy ra, sự kiện nào không xảy ra?

b) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện “Hòa gieo được mặt có số chấm là số chẵn”.

c) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện “Bình gieo được mặt có số chấm là số nguyên tố”.

Câu 4 (1,0 điểm)

a) Nhân kỉ niệm 48 năm ngày giải phóng miền nam thống nhất đất nước, một số trung tâm thương mại giảm giá rất nhiều mặt hàng. Mẹ bạn An có dẫn An đến một trung tâm thương mại để mua một đôi giày. Biết đôi giày được giảm giá 35% và mẹ An có thẻ khách hàng kim cương nên được giảm giá thêm 5%. Nên mẹ An chỉ phải trả 372000 đồng cho đôi giày này. Hỏi giá niêm yết của đôi giày này là bao nhiêu ?

b) Trong phong trào kế hoạch nhỏ ba lớp 6A, 6B, 6C thu gom được 2900 ống lon.

Biết $\frac{2}{3}$ số ống lon của lớp 6A bằng $\frac{3}{4}$ số ống lon của lớp 6B và bằng một nửa số ống

lon của lớp 6C. Hỏi mỗi lớp thu gom được bao nhiêu ống lon.

Hết

(Học sinh không sử dụng tài liệu)

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần 1(4 điểm): Trắc nghiệm

Mỗi câu đúng được 0,25 điểm

Đề/câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
100	A	A	A	C	D	D	D	C	D	C	C	B	B	C	A	B
101	B	B	D	B	C	A	A	A	C	D	C	A	D	C	A	C
102	C	B	A	B	C	A	D	C	D	B	B	C	C	A	C	B
103	B	B	A	A	A	B	C	C	A	C	B	D	C	A	C	B
104	D	B	A	D	D	C	B	C	A	D	B	C	C	A	A	A

Phần 2(6 điểm) : Tự luận

Câu	Ý câu	Đáp án	Điểm
1	a	$\frac{2}{5} - \frac{8}{9} \cdot \frac{-27}{40} = \frac{2}{5} + \frac{3}{5} = 1$	0,5
	b	$\frac{9}{7} - \frac{2}{7} : x = 1 \Leftrightarrow \frac{2}{7} : x = \frac{9}{7} - 1$	0,25
		$\Leftrightarrow \frac{2}{7} : x = \frac{2}{7} \Leftrightarrow x = 1$	0,25
2	a	Cung thủ đã thực hiện 20 lần bắn	1,0
	b	Cung thủ đã bắn được điểm 10 năm lần	1,0
3	a	Tổng số chấm bạn Hòa gieo được sau 10 lần gieo là: $1+2+5+6+3+4+2+3+4+6=36$	0,25
		Tổng số chấm bạn Bình gieo được sau 10 lần gieo là: $3+5+6+3+5+6+4+1+2+6=41$	0,25
		Vì $41 > 36$ nên số chấm của bạn Bình gieo được sau 10 lần gieo lớn hơn số chấm bạn Hòa gieo sau 10 lần gieo nên sự kiện Bạn Hòa thắng không xảy ra, sự kiện bạn Bình thắng xảy ra	0,5
b	Trong 10 lần gieo, Bạn Hòa gieo 6 lần được số chấm là các số chẵn nên xác suất bạn hòa gieo được số chấm là số chẵn là: $\frac{6}{10} = \frac{3}{5} = 0,6$	0,5	
	c	Trong 10 lần gieo, Bạn Bình gieo 5 lần được số chấm là các số nguyên tố nên xác suất bạn Bình gieo được số chấm là số nguyên tố là: $\frac{5}{10} = \frac{1}{2} = 0,5$	0,5

4	a	Phần trăm số tiền mẹ An phải trả so với giá niêm yết của đôi giày là: $100\% - 35\% - 5\% = 60\%$	0,25
		Giá niêm yết của đôi giày là: $372000 : 60\% = 620000$ (đồng)	0,25
	b	Tỉ số ống lon thu gom được của lớp 6A và 6C là: $\frac{1}{2} : \frac{2}{3} = \frac{3}{4}$ Tỉ số ống lon thu gom được của lớp 6B và 6C là: $\frac{1}{2} : \frac{3}{4} = \frac{2}{3}$ Tỉ số ống lon thu gom được của 3 lớp(6A,6B,6C) và lớp 6C là: $1 + \frac{3}{4} + \frac{2}{3} = \frac{29}{12}$	0,25
		Số ống lon thu gom được của lớp 6C là: $2900 : \frac{29}{12} = 1200$ (ống lon) Số ống lon thu gom được của lớp 6B là: $\frac{2}{3} \cdot 1200 = 800$ (ống lon) Số ống lon thu gom được của lớp 6A là: $\frac{3}{4} \cdot 1200 = 900$ (ống lon)	0,25

Họ tên : Lớp :SBD.....

Mã đề 1

A. Trắc nghiệm (3.0 điểm) Chọn phương án đúng trả lời các câu hỏi sau

Câu 1: Mỗi xúc xắc có 6 mặt, số chấm ở mỗi mặt là một trong các số nguyên dương từ 1 đến 6. Gieo xúc xắc một lần. Mặt xuất hiện của xúc xắc là phần tử của tập hợp nào dưới đây?

- A. {1; 2; 3; 4; 5; 6} B. {1; 6}
C. {0; 1; 2; 3; 4; 5; 6} D. {0; 1; 2; 3; 4; 5}

Câu 2: Tổng $\frac{1}{2} + \frac{-3}{4}$ bằng:

- A. -1. B. $-\frac{5}{4}$. C. $-\frac{1}{4}$. D. 1

Câu 3: Giá trị của biểu thức $A = \frac{3}{7} + \left(\frac{-1}{5} + \frac{-3}{7}\right)$ bằng:

- A. $-\frac{1}{5}$ B. $\frac{23}{35}$ C. $\frac{0}{7}$ D. $\frac{1}{5}$

Câu 4: Cho đoạn thẳng $AB = 10$ cm, C là điểm nằm giữa A, B. Gọi M là trung điểm của AC và N là trung điểm của CB. Tính MN.

- A. $MN = 20$ cm B. $MN = 5$ cm C. $MN = 8$ cm D. $MN = 10$ cm

Câu 5: Sau khi dùng $\frac{2}{3}$ số tiền tiết kiệm được để ủng hộ quỹ vì bạn nghèo thì số tiền còn lại của bạn Đức là 240.000đ. Hỏi ban đầu bạn Đức có bao nhiêu tiền?

- A. 720.000đ B. 160.000đ C. 360.000đ D. 80.000đ

Câu 6: Điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB nếu:

- A. $MA = MB = \frac{AB}{2}$ B. $MA = MB$
C. M nằm giữa A và B D. $AM + MB = AB$

Câu 7: Góc có số đo lớn hơn 0^0 và nhỏ hơn 90^0 là góc gì?

- A. Góc nhọn B. Góc bẹt C. Góc tù D. Góc vuông

Câu 8: Khi tung một đồng xu 13 lần liên tiếp, có 7 lần xuất hiện mặt sấp (S). Khi đó xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt ngửa (N) là bao nhiêu.

- A. $\frac{7}{13}$ B. $\frac{13}{7}$ C. $\frac{6}{13}$ D. $\frac{7}{6}$

Câu 9: Kết quả của phép tính: $(-2,5) + (-7,5)$ bằng:

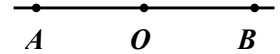
- A. -5 B. 5 C. -10 D. 10

Câu 10: Số nghịch đảo của $\frac{-6}{11}$ là:

- A. $-\frac{6}{-11}$ B. $\frac{11}{-6}$ C. $-\frac{11}{-6}$ D. $\frac{6}{11}$

Câu 11: Trong hình vẽ. Chọn khẳng định đúng

- A. Hai tia OA và OB đối nhau. B. Hai tia BA và OB đối nhau.
 C. Hai tia AO và OB đối nhau. D. Hai tia OA và BO đối nhau.



Câu 12: Tỷ số phần trăm của 374 và 425 là:

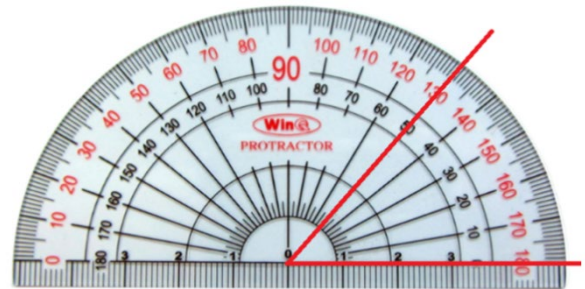
- A. 8,8% B. 0,88% C. 0,8% D. 88%

Câu 13: Giá trị của biểu thức: $(-0,4) \cdot (0,5)$ bằng:

- A. 0,2 B. - 0,2
 C. 0,002 D. -0,02

Câu 14: Góc trên hình có số đo bao nhiêu độ

- A. 60° B. 130°
 C. 50° D. 40°



Câu 15: Bạn Lương giúp mẹ thống kê số lượng các cỡ Giày mà cửa hàng nhà bạn đã bán được trong tháng đầu tiên khai trương cửa hàng như bảng sau.

Cỡ Giày	37	38	39	40	41	42
Số đôi bán được	23	31	29	75	32	56

Quan sát bảng hãy cho biết cỡ giày bán được nhiều nhất là cỡ nào?

- A. 44 B. 40 C. 37 D. 75

B. Tự Luận (7.0 điểm)

Câu 1(1,5 điểm): Thực hiện phép tính (tính nhanh nếu có thể):

a) $\frac{1}{3} + \frac{-7}{12} + \frac{2}{3} + \frac{-5}{12}$ b) $\frac{3}{7} \cdot \frac{-9}{13} + \frac{3}{7} \cdot \frac{-4}{13} + 1 \cdot \frac{3}{7}$ c) $\frac{2}{-5} - \left(\frac{5}{2} - \frac{12}{5} \right)$

Câu 2 (1.5 điểm): Tìm x biết:

a) $\frac{2}{3}x + \frac{1}{3} = \frac{-5}{7}$ b) $2,2 + 2,5x = -0,3$ c, $x: \frac{3}{2} - \frac{1}{2} = \frac{1}{3}$

Câu 3 (1,0 điểm) Tung một con xúc xắc 6 mặt 50 lần, ghi lại kết quả ở bảng sau:

Số chấm	1	2	3	4	5	6
Số lần xuất hiện	12	10	5	16	2	5

- a) Số lần xuất hiện mặt 4 chấm là bao nhiêu?
 b) Số lần xuất hiện mặt chấm lẻ là bao nhiêu?

Câu 4 (1,0 điểm) Một quyển sách dày 36 trang. Ngày đầu bạn Hoa đọc được $\frac{4}{9}$ số trang sách. Ngày thứ hai Hoa đọc tiếp 50% số trang sách còn lại. Hỏi Hoa còn bao nhiêu trang sách chưa đọc?

Câu 5(1,5 điểm)

Trên tia Ox lấy hai điểm M và N sao cho $OM = 4 \text{ cm}$, $ON = 8 \text{ cm}$.

- a) Tính độ dài đoạn thẳng MN.
 b) Điểm M có phải là trung điểm của đoạn thẳng ON hay không? Vì sao?
 c) Trên tia đối của tia Nx, lấy điểm I sao cho $NI = 2 \text{ cm}$. Tính độ dài đoạn thẳng MI

Câu 6 (0,5 điểm) Tính tổng : $S = \frac{5^2}{1.6} + \frac{5^2}{6.11} + \frac{5^2}{11.16} + \dots + \frac{5^2}{96.101}$

----- HẾT -----

(Đề có 2 trang)

Họ tên : Lớp :SBD.....

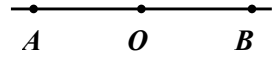
Mã đề 2

A. Trắc nghiệm (3.0 điểm) Chọn phương án đúng trả lời các câu hỏi sau

Câu 1: Trong hình vẽ. Chọn khẳng định đúng

A. Hai tia BA và OB đối nhau. B. Hai tia OA và OB đối nhau.

C. Hai tia AO và OB đối nhau. D. Hai tia OA và BO đối nhau.



Câu 2: Cho đoạn thẳng $AB = 10$ cm, C là điểm nằm giữa A, B Gọi M là trung điểm của AC và N là trung điểm của CB . Tính MN .

A. $MN = 10$ cm B. $MN = 20$ cm C. $MN = 8$ cm D. $MN = 5$ cm

Câu 3: Giá trị của biểu thức: $(-0,4) \cdot (0,5)$ bằng:

A. 0,002 B. - 0,2 C. 0,2 D. -0,02

Câu 4: Tỷ số phần trăm của 374 và 425 là:

A. 0,8% B. 0,88%

C. 88% D. 8,8%

Câu 5: Góc trên hình có số đo bao nhiêu độ

A. 130° B. 50°

C. 40° D. 60°

Câu 6: Khi tung một đồng xu 13 lần liên tiếp, có 7 lần xuất hiện mặt sấp (S). Khi đó xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt ngửa (N) là bao nhiêu.

A. $\frac{13}{7}$ B. $\frac{6}{13}$ C. $\frac{7}{13}$ D. $\frac{7}{6}$

Câu 7: Sau khi dùng $\frac{2}{3}$ số tiền tiết kiệm được để ủng hộ quỹ vì bạn nghèo thì số tiền còn lại của bạn Đức là 240.000đ. Hỏi ban đầu bạn Đức có bao nhiêu tiền?

A. 720.000đ B. 160.000đ C. 360.000đ D. 80.000đ

Câu 8: Tổng $\frac{1}{2} + \frac{-3}{4}$ bằng:

A. $-\frac{5}{4}$. B. 1 C. $-\frac{1}{4}$. D. -1.

Câu 9: Số nghịch đảo của $\frac{-6}{11}$ là:

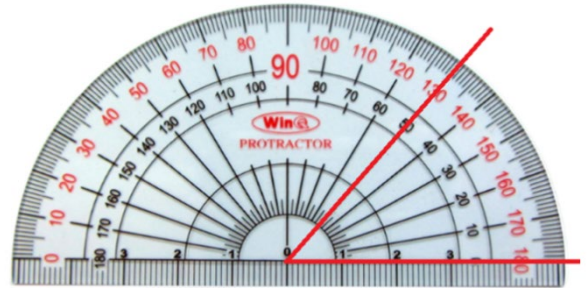
A. $-\frac{11}{-6}$ B. $\frac{11}{-6}$ C. $\frac{6}{11}$ D. $-\frac{6}{-11}$

Câu 10: Mỗi xúc xắc có 6 mặt, số chấm ở mỗi mặt là một trong các số nguyên dương từ 1 đến 6. Gieo xúc xắc một lần. Mặt xuất hiện của xúc xắc là phần tử của tập hợp nào dưới đây?

A. $\{0; 1; 2; 3; 4; 5\}$ B. $\{1; 6\}$
C. $\{0; 1; 2; 3; 4; 5; 6\}$ D. $\{1; 2; 3; 4; 5; 6\}$

Câu 11: Giá trị của biểu thức $A = \frac{3}{7} + \left(\frac{-1}{5} + \frac{-3}{7} \right)$ bằng:

A. $\frac{0}{7}$ B. $-\frac{1}{5}$ C. $\frac{23}{35}$ D. $\frac{1}{5}$



Câu 12: Góc có số đo lớn hơn 0^0 và nhỏ hơn 90^0 là góc gì?

- A. Góc vuông B. Góc tù C. Góc bẹt D. Góc nhọn

Câu 13: Bạn Lương giúp mẹ thống kê số lượng các cỡ Giày mà cửa hàng nhà bạn đã bán được trong tháng đầu tiên khai trương cửa hàng như bảng sau.

Cỡ Giày	37	38	39	40	41	42
Số đôi bán được	23	31	29	75	32	56

Quan sát bảng hãy cho biết cỡ giày bán được nhiều nhất là cỡ nào?

- A. 37 B. 44 C. 40 D. 75

Câu 14: Điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB nếu:

- A. $MA = MB$ B. M nằm giữa A và B
C. $MA = MB = \frac{AB}{2}$ D. $AM + MB = AB$

Câu 15: Kết quả của phép tính: $(-2,5) + (-7,5)$ bằng:

- A. -5 B. 10 C. 5 D. -10

B. Tự Luận (7.0 điểm)

Câu 1(1,5 điểm): Thực hiện phép tính (tính nhanh nếu có thể):

a) $\frac{1}{3} + \frac{-7}{12} + \frac{2}{3} + \frac{-5}{12}$ b) $\frac{3}{7} \cdot \frac{-9}{13} + \frac{3}{7} \cdot \frac{-4}{13} + 1\frac{3}{7}$ c) $\frac{2}{-5} - \left(\frac{5}{2} - \frac{12}{5} \right)$

Câu 2 (1.5 điểm): Tìm x biết:

a) $\frac{2}{3}x + \frac{1}{3} = \frac{-5}{7}$ b) $2,2 + 2,5x = -0,3$ c, $x: \frac{3}{2} - \frac{1}{2} = \frac{1}{3}$

Câu 3 (1,0 điểm) Tung một con xúc xắc 6 mặt 50 lần, ghi lại kết quả ở bảng sau:

Số chấm	1	2	3	4	5	6
Số lần xuất hiện	12	10	5	16	2	5

- a) Số lần xuất hiện mặt 4 chấm là bao nhiêu?
b) Số lần xuất hiện mặt chấm lẻ là bao nhiêu?

Câu 4 (1,0 điểm)

Một quyển sách dày 36 trang. Ngày đầu bạn Hoa đọc được $\frac{4}{9}$ số trang sách. Ngày thứ

hai Hoa đọc tiếp 50% số trang sách còn lại. Hỏi Hoa còn bao nhiêu trang sách chưa đọc?

Câu 5(1,5 điểm)

Trên tia Ox lấy hai điểm M và N sao cho $OM = 4$ cm, $ON = 8$ cm.

- a) Tính độ dài đoạn thẳng MN.
b) Điểm M có phải là trung điểm của đoạn thẳng ON hay không? Vì sao?
c) Trên tia đối của tia Nx, lấy điểm I sao cho $NI = 2$ cm. Tính độ dài đoạn thẳng MI

Câu 6 (0,5 điểm)

Tính tổng : $S = \frac{5^2}{1.6} + \frac{5^2}{6.11} + \frac{5^2}{11.16} + \dots + \frac{5^2}{96.101}$

----- HẾT -----

(Đề có 2 trang)

Họ tên : Lớp :SBD.....

Mã đề 3

A. Trắc nghiệm (3.0 điểm) Chọn phương án đúng trả lời các câu hỏi sau

Câu 1: Mỗi xúc xắc có 6 mặt, số chấm ở mỗi mặt là một trong các số nguyên dương từ 1 đến 6. Gieo xúc xắc một lần. Mặt xuất hiện của xúc xắc là phần tử của tập hợp nào dưới đây?

- A. {1; 2; 3; 4; 5; 6} B. {1; 6}
C. {0; 1; 2; 3; 4; 5; 6} D. {0; 1; 2; 3; 4; 5}

Câu 2: Tổng $\frac{1}{2} + \frac{-3}{4}$ bằng:

- A. -1. B. $-\frac{5}{4}$. C. $-\frac{1}{4}$. D. 1

Câu 3: Giá trị của biểu thức $A = \frac{3}{7} + \left(\frac{-1}{5} + \frac{-3}{7}\right)$ bằng:

- A. $-\frac{1}{5}$ B. $\frac{23}{35}$ C. $\frac{0}{7}$ D. $\frac{1}{5}$

Câu 4: Cho đoạn thẳng $AB = 10$ cm, C là điểm nằm giữa A, B. Gọi M là trung điểm của AC và N là trung điểm của CB. Tính MN.

- A. $MN = 20$ cm B. $MN = 5$ cm C. $MN = 8$ cm D. $MN = 10$ cm

Câu 5: Sau khi dùng $\frac{2}{3}$ số tiền tiết kiệm được để ủng hộ quỹ vì bạn nghèo thì số tiền còn lại của bạn Đức là 240.000đ. Hỏi ban đầu bạn Đức có bao nhiêu tiền?

- A. 720.000đ B. 160.000đ C. 360.000đ D. 80.000đ

Câu 6: Điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB nếu:

- A. $MA = MB = \frac{AB}{2}$ B. $MA = MB$
C. M nằm giữa A và B D. $AM + MB = AB$

Câu 7: Góc có số đo lớn hơn 0° và nhỏ hơn 90° là góc gì?

- A. Góc nhọn B. Góc bẹt C. Góc tù D. Góc vuông

Câu 8: Khi tung một đồng xu 13 lần liên tiếp, có 7 lần xuất hiện mặt sấp (S). Khi đó xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt ngửa (N) là bao nhiêu.

- A. $\frac{7}{13}$ B. $\frac{13}{7}$ C. $\frac{6}{13}$ D. $\frac{7}{6}$

Câu 9: Kết quả của phép tính: $(-2,5) + (-7,5)$ bằng:

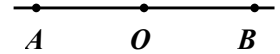
- A. -5 B. 5 C. -10 D. 10

Câu 10: Số nghịch đảo của $\frac{-6}{11}$ là:

- A. $-\frac{6}{-11}$ B. $\frac{11}{-6}$ C. $-\frac{11}{-6}$ D. $\frac{6}{11}$

Câu 11: Trong hình vẽ. Chọn khẳng định đúng

- A. Hai tia OA và OB đối nhau. B. Hai tia BA và OB đối nhau.
 C. Hai tia AO và OB đối nhau. D. Hai tia OA và BO đối nhau.



Câu 12: Tỷ số phần trăm của 374 và 425 là:

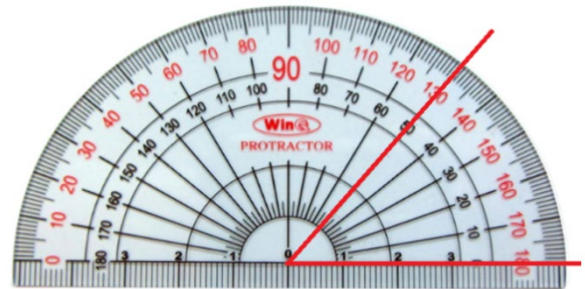
- A. 8,8% B. 0,88% C. 0,8% D. 88%

Câu 13: Giá trị của biểu thức: $(-0,4) \cdot (0,5)$ bằng:

- A. 0,2 B. - 0,2
 C. 0,002 D. -0,02

Câu 14: Góc trên hình có số đo bao nhiêu độ

- A. 60^0 B. 130^0
 C. 50^0 D. 40^0



Câu 15: Bạn Lương giúp mẹ thống kê số lượng các cỡ Giày mà cửa hàng nhà bạn đã bán được trong tháng đầu tiên khai trương cửa hàng như bảng sau.

Cỡ Giày	37	38	39	40	41	42
Số đôi bán được	23	31	29	75	32	56

Quan sát bảng hãy cho biết cỡ giày bán được nhiều nhất là cỡ nào?

- A. 44 B. 40 C. 37 D. 75

B. Tự Luận (7.0 điểm)

Câu 1(1,5 điểm): Thực hiện phép tính (tính nhanh nếu có thể):

a) $\frac{1}{3} + \frac{-7}{12} + \frac{2}{3} + \frac{-5}{12}$ b) $\frac{3}{7} \cdot \frac{-9}{13} + \frac{3}{7} \cdot \frac{-4}{13} + 1 \cdot \frac{3}{7}$ c) $\frac{2}{-5} - \left(\frac{5}{2} - \frac{12}{5} \right)$

Câu 2 (1.5 điểm): Tìm x biết:

a) $\frac{2}{3}x + \frac{1}{3} = \frac{-5}{7}$ b) $2,2 + 2,5x = -0,3$ c, $x: \frac{3}{2} - \frac{1}{2} = \frac{1}{3}$

Câu 3 (1,0 điểm) Tung một con xúc xắc 6 mặt 50 lần, ghi lại kết quả ở bảng sau:

Số chấm	1	2	3	4	5	6
Số lần xuất hiện	12	10	5	16	2	5

- a) Số lần xuất hiện mặt 4 chấm là bao nhiêu?
 b) Số lần xuất hiện mặt chấm lẻ là bao nhiêu?

Câu 4 (1,0 điểm) Một quyển sách dày 36 trang. Ngày đầu bạn Hoa đọc được $\frac{4}{9}$ số trang sách.

Ngày thứ hai Hoa đọc tiếp 50% số trang sách còn lại. Hỏi Hoa còn bao nhiêu trang sách chưa đọc?

Câu 5(1,5 điểm)

Trên tia Ox lấy hai điểm M và N sao cho $OM = 4 \text{ cm}$, $ON = 8 \text{ cm}$.

- a) Tính độ dài đoạn thẳng MN.
 b) Điểm M có phải là trung điểm của đoạn thẳng ON hay không? Vì sao?
 c) Trên tia đối của tia Nx, lấy điểm I sao cho $NI = 2 \text{ cm}$. Tính độ dài đoạn thẳng MI

Câu 6 (0,5 điểm) Tính tổng : $S = \frac{5^2}{1.6} + \frac{5^2}{6.11} + \frac{5^2}{11.16} + \dots + \frac{5^2}{96.101}$

----- HẾT -----

(Đề có 2 trang)

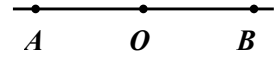
Họ tên : Lớp :SBD.....

Mã đề 4

A. Trắc nghiệm (3.0 điểm) Chọn phương án đúng trả lời các câu hỏi sau

Câu 1: Trong hình vẽ. Chọn khẳng định đúng

- A. Hai tia BA và OB đối nhau. B. Hai tia OA và OB đối nhau.
C. Hai tia AO và OB đối nhau. D. Hai tia OA và BO đối nhau.



Câu 2: Cho đoạn thẳng $AB = 10$ cm, C là điểm nằm giữa A, B Gọi M là trung điểm của AC và N là trung điểm của CB. Tính MN.

- A. $MN = 10$ cm B. $MN = 20$ cm C. $MN = 8$ cm D. $MN = 5$ cm

Câu 3: Giá trị của biểu thức: $(-0,4) \cdot (0,5)$ bằng:

- A. 0,002 B. - 0,2 C. 0,2 D. -0,02

Câu 4: Tỷ số phần trăm của 374 và 425 là:

- A. 0,8% B. 0,88%
C. 88% D. 8,8%

Câu 5: Góc trên hình có số đo bao nhiêu độ

- A. 130° B. 50°
C. 40° D. 60°

Câu 6: Khi tung một đồng xu 13 lần liên tiếp, có 7 lần xuất hiện mặt sấp (S). Khi đó xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt ngửa (N) là bao nhiêu.

- A. $\frac{13}{7}$ B. $\frac{6}{13}$ C. $\frac{7}{13}$ D. $\frac{7}{6}$

Câu 7: Sau khi dùng $\frac{2}{3}$ số tiền tiết kiệm được để ủng hộ quỹ vì bạn nghèo thì số tiền còn lại của bạn Đức là 240.000đ. Hỏi ban đầu bạn Đức có bao nhiêu tiền?

- A. 720.000đ B. 160.000đ C. 360.000đ D. 80.000đ

Câu 8: Tổng $\frac{1}{2} + \frac{-3}{4}$ bằng:

- A. $-\frac{5}{4}$. B. 1 C. $-\frac{1}{4}$. D. -1.

Câu 9: Số nghịch đảo của $\frac{-6}{11}$ là:

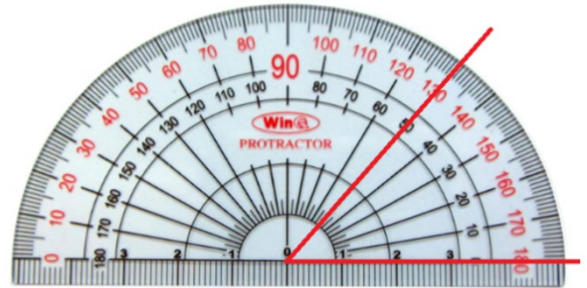
- A. $\frac{-11}{-6}$ B. $\frac{11}{-6}$ C. $\frac{6}{11}$ D. $\frac{-6}{-11}$

Câu 10: Mỗi xúc xắc có 6 mặt, số chấm ở mỗi mặt là một trong các số nguyên dương từ 1 đến 6. Gieo xúc xắc một lần. Mặt xuất hiện của xúc xắc là phần tử của tập hợp nào dưới đây?

- A. $\{0; 1; 2; 3; 4; 5\}$ B. $\{1; 6\}$
C. $\{0; 1; 2; 3; 4; 5; 6\}$ D. $\{1; 2; 3; 4; 5; 6\}$

Câu 11: Giá trị của biểu thức $A = \frac{3}{7} + \left(\frac{-1}{5} + \frac{-3}{7}\right)$ bằng:

- A. $\frac{0}{7}$ B. $\frac{-1}{5}$ C. $\frac{23}{35}$ D. $\frac{1}{5}$



Câu 12: Góc có số đo lớn hơn 0^0 và nhỏ hơn 90^0 là góc gì?

- A. Góc vuông B. Góc tù C. Góc bẹt D. Góc nhọn

Câu 13: Bạn Lương giúp mẹ thống kê số lượng các cỡ Giày mà cửa hàng nhà bạn đã bán được trong tháng đầu tiên khai trương cửa hàng như bảng sau.

Cỡ Giày	37	38	39	40	41	42
Số đôi bán được	23	31	29	75	32	56

Quan sát bảng hãy cho biết cỡ giày bán được nhiều nhất là cỡ nào?

- A. 37 B. 44 C. 40 D. 75

Câu 14: Điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB nếu:

- A. $MA = MB$ B. M nằm giữa A và B
C. $MA = MB = \frac{AB}{2}$ D. $AM + MB = AB$

Câu 15: Kết quả của phép tính: $(-2,5) + (-7,5)$ bằng:

- A. -5 B. 10 C. 5 D. -10

B. Tự Luận (7.0 điểm)

Câu 1(1,5 điểm): Thực hiện phép tính (tính nhanh nếu có thể):

a) $\frac{1}{3} + \frac{-7}{12} + \frac{2}{3} + \frac{-5}{12}$ b) $\frac{3}{7} \cdot \frac{-9}{13} + \frac{3}{7} \cdot \frac{-4}{13} + 1\frac{3}{7}$ c) $\frac{2}{-5} - \left(\frac{5}{2} - \frac{12}{5}\right)$

Câu 2 (1.5 điểm): Tìm x biết:

a) $\frac{2}{3}x + \frac{1}{3} = \frac{-5}{7}$ b) $2,2 + 2,5x = -0,3$ c, $x: \frac{3}{2} - \frac{1}{2} = \frac{1}{3}$

Câu 3 (1,0 điểm) Tung một con xúc xắc 6 mặt 50 lần, ghi lại kết quả ở bảng sau:

Số chấm	1	2	3	4	5	6
Số lần xuất hiện	12	10	5	16	2	5

- a) Số lần xuất hiện mặt 4 chấm là bao nhiêu?
b) Số lần xuất hiện mặt chấm lẻ là bao nhiêu?

Câu 4 (1,0 điểm)

Một quyển sách dày 36 trang. Ngày đầu bạn Hoa đọc được $\frac{4}{9}$ số trang sách. Ngày thứ

hai Hoa đọc tiếp 50% số trang sách còn lại. Hỏi Hoa còn bao nhiêu trang sách chưa đọc?

Câu 5(1,5 điểm)

Trên tia Ox lấy hai điểm M và N sao cho $OM = 4$ cm, $ON = 8$ cm.

- a) Tính độ dài đoạn thẳng MN.
b) Điểm M có phải là trung điểm của đoạn thẳng ON hay không? Vì sao?
c) Trên tia đối của tia Nx, lấy điểm I sao cho $NI = 2$ cm. Tính độ dài đoạn thẳng MI

Câu 6 (0,5 điểm)

Tính tổng : $S = \frac{5^2}{1.6} + \frac{5^2}{6.11} + \frac{5^2}{11.16} + \dots + \frac{5^2}{96.101}$

----- HẾT -----

(Thời gian làm bài: 90 phút không kể giao đề)

Phần I. TRẮC NGHIỆM (2,5 điểm): Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Nếu $x - 3 = -6$ thì x bằng:

- A. 3 B. -3 C. 9 D. -9

Câu 2. Kết quả của phép tính $(-4)^3 \cdot 2 \cdot (-5)$ là:

- A. 640 B. -640 C. 120 D. -120

Câu 3. Nếu $3.4 = 2.6$ thì ta có cặp phân số bằng nhau là :

- A. $\frac{3}{2} = \frac{4}{6}$ B. $\frac{3}{4} = \frac{2}{6}$ C. $\frac{3}{6} = \frac{2}{4}$ D. $\frac{2}{6} = \frac{3}{4}$

Câu 4. Kết quả $\frac{5}{4}$ của -12 là:

- A. 3 B. -6 C. 15 D. -15

Câu 5. Điểm A nằm giữa điểm B và điểm C, biết $AB = 2\text{cm}$, độ dài AC gấp 3 lần độ dài AB, thì độ dài BC là:

- A. 8 cm B. 10 cm C. 5 cm D. 6 cm

Câu 6. Số thập phân 43, 567 làm tròn đến chữ số thập phân thứ 2 ta được:

- A. 43,50 B. 43,57 C. 43,5 D. 43, 560

Câu 7. Khi gieo con xúc xắc 20 lần liên tiếp, Mai thấy có 2 lần xuất hiện mặt 2 chấm, số lần xuất hiện mặt 4 chấm gấp đôi số lần xuất hiện mặt 2 chấm. Xác suất thực nghiệm của sự kiện xuất hiện mặt 4 chấm là:

- A. 30% B. 50% C. 40% D. 20%

Câu 8: Góc nào bé nhất

- A. Góc tù B. Góc Vuông C. Góc nhọn D. Góc bẹt

Câu 9: Cho biểu đồ tranh ở Hình vẽ

:

Số học sinh (HS) yêu thích Cam là:

- A. 50 HS. B. 55 HS.

- C. 40 HS. D. 45 HS.

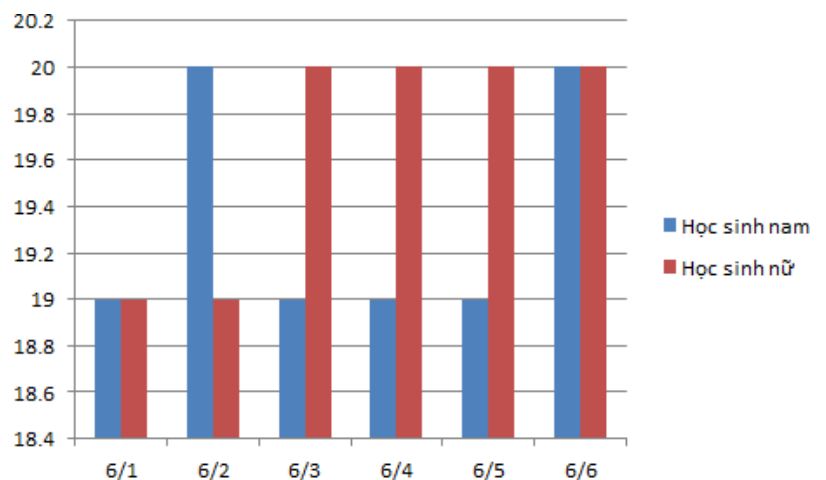


(★ = 10 học sinh; ★ = 5 học sinh)
Hình 3

Câu 10:

Biểu đồ cột kép thể hiện số học sinh nam, nữ ở mỗi lớp của khối 6 ở một trường THCS như sau :

Số học sinh nam/nữ của lớp 6/4 là :



A. 19/19.

B. 20/19.

C. 19/20.

D. 20/20.

Phần II. Tự luận (7,5 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính (Tính nhanh nếu có thể)

a) $14 \cdot 86 + 14^2$

b) $\frac{6}{7} + \frac{1}{7} \cdot \frac{2}{7} + \frac{1}{7} \cdot \frac{5}{7}$

c) $(-28 + 25) \cdot (13 + 7)$

Bài 2. (1,5 điểm) Tìm x biết: a) $4(x - 2) = 16$ b) $\frac{x+5}{6} = \frac{-2}{3}$

Bài 3. (1,5 điểm) Lớp 6A có 40 học sinh. Kết quả xếp loại học lực cuối năm gồm ba loại: giỏi, khá, trung bình (Không có loại yếu, kém). Số học sinh đạt loại giỏi chiếm 25% số học sinh cả lớp. Số học sinh trung bình bằng $\frac{2}{5}$ số học sinh giỏi. Còn lại là học sinh khá

a. Tính số học sinh xếp loại giỏi, loại khá và loại trung bình ?

b. Tính tỉ số phần trăm số học sinh khá so với học sinh cả lớp ?

Bài 4. (2,5 điểm) Cho đoạn thẳng AB, điểm C nằm giữa điểm A và điểm B, có $AC = 2$ cm, $AB = 8$ cm

a) Tính độ dài đoạn CB

b) Cho điểm M là trung điểm đoạn thẳng CB. Tính độ dài CM và AM.

Bài 5: (0,5 điểm) Tính A, biết $A = \frac{1}{10} + \frac{1}{15} + \frac{1}{21} + \dots + \frac{1}{120}$

=====HẾT=====

(Thời gian làm bài: 90 phút)

ĐỀ CHÍNH THỨC

I. Trắc nghiệm: (4 điểm) Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Trong các cách viết sau cách viết nào cho ta phân số?

- A. $\frac{11,25}{-8,25}$. B. $\frac{6}{0}$. C. $\frac{-5}{\frac{2}{3}}$. D. $\frac{0}{3}$.

Câu 2. ƯCLN(8,16,48) =

- A. 1. B. 8. C. 16. D. 48.

Câu 3. BCNN(2,8,15) =

- A. $2^3 \cdot 3 \cdot 5$. B. $2 \cdot 3 \cdot 5$. C. 1. D. 15.

Câu 4. Tính giá trị của biểu thức: $A = \frac{\frac{2}{3} + \frac{2}{5} - \frac{2}{9}}{\frac{4}{3} + \frac{4}{5} - \frac{4}{9}}$

- A. 1. B. $\frac{1}{2}$. C. $-\frac{1}{2}$. D. -1.

Câu 5. Tìm x, biết $\frac{7}{2} : x = \frac{-21}{9}$

- A. $x = \frac{9}{2}$. B. $x = \frac{-3}{2}$. C. $x = \frac{-147}{18}$. D. $x = \frac{-2}{3}$.

Câu 6: Gieo một con xúc xắc 6 mặt 20 lần ta được kết quả như sau:

Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện xuất hiện mặt 2 chấm.

- A. $\frac{3}{20}$. B. $\frac{1}{10}$. C. $\frac{1}{4}$. D. $\frac{3}{10}$.

Câu 7. Kết quả phép tính $1\frac{3}{7} + 2\frac{3}{7}$ bằng

- A. $1\frac{6}{7}$. B. $3\frac{6}{7}$. C. 3. D. $3\frac{6}{14}$.

Câu 8. Một cửa hàng đem cân một số bao gạo (đơn vị kilogam), kết quả được thống kê lại ở bảng sau:

Khối lượng 1 bao	40	45	50	55	60	65
Số bao	2	3	6	8	4	1

Có bao nhiêu bao gạo nặng hơn 50 kg:

- A. 12. B. 13. C. 14. D. 19.

Câu 9. Phân tích biểu đồ cột dưới đây và cho biết số lượng học viên tại câu lạc bộ tiếng Nhật của trường THCS Đoàn kết thay đổi như thế theo từng năm:

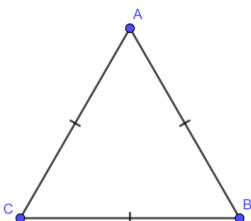


- A. Tăng dần. B. Giảm dần. C. Tăng 10 học viên mỗi năm. D. Đáp án khác.

Câu 10. Một hộp chứa 7 bi xanh, 5 bi đỏ, 3 bi vàng có cùng kích thước. Thực hiện lấy ngẫu nhiên một số viên bi từ trong hộp để xem màu gì rồi trả lại viên bi vào hộp. Bạn Khánh thực hiện thí nghiệm 20 lần. Số lần lấy được viên bi đỏ là 8 lần. Xác suất thực nghiệm của sự kiện Khánh lấy được viên bi màu đỏ:

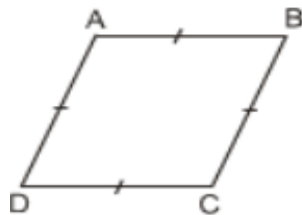
- A. $\frac{1}{4}$. B. $\frac{2}{5}$. C. $\frac{5}{15}$. D. $\frac{5}{2}$.

Câu 11. Trong các hình vẽ sau hình nào có tâm đối xứng:



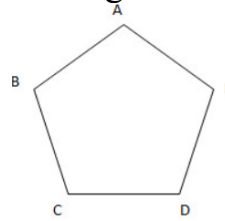
Hình 1

A. Hình 1,2,3.



Hình 2

B. Hình 2,4.



Hình 3

C. Hình 1,2,4.

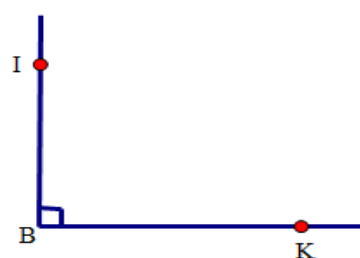


Hình 4

D. Hình 1,2.

Câu 12. Góc IBK sau đây là góc gì?

- A. Góc vuông.
B. Góc nhọn.
C. Góc tù.
D. Góc bẹt.



Câu 13. Cho đoạn thẳng AB. Gọi M và N lần lượt là trung điểm của các đoạn thẳng AB và AM. Giả sử AN = 1,5 cm. Đoạn thẳng AB có độ dài là?

- A. 1,5cm. B. 3cm. C. 4,5 cm. D. 6 cm.

Câu 14: Điểm I là trung điểm của đoạn thẳng MN khi:

- A. $MI + IN = MN$. B. $MI = IN$. C. $NI = IM = \frac{1}{2}MN$. D. $MI = IN = MN$.

Câu 15: Khi đồng hồ chỉ đúng 6 giờ thì góc tạo bởi kim giờ và kim phút là

- A. Góc nhọn. B. Góc vuông. C. Góc tù. D. Góc bẹt.

Câu 16: Trong các chữ cái dưới đây, chữ cái có trục đối xứng?



- A. A, H, E. B. A, H. C. B, E. D. A, B, H, E.

II.TỰ LUẬN: (6 điểm)

Bài 1: (1,0 điểm) Thực hiện phép tính:


a) $A = \frac{-3}{13} - \frac{7}{17} + \frac{-5}{19} + \frac{-10}{13} + \frac{24}{17} - \frac{14}{19}$

b) $B = 1,25 \cdot \frac{7}{19} + \frac{5}{4} \cdot \frac{15}{19} - 1\frac{1}{4} \cdot \frac{3}{19}$

Bài 2: (1,0 điểm) Tìm x, biết

a) $\frac{3}{4} + \frac{1}{4} : x = -3$

b) $2x - 0,75 = \frac{-7}{12}$

Bài 3: (0,75 điểm) Biểu đồ tranh dưới đây biểu diễn số lượng đôi giày thể thao bán được của một cửa hàng trong 4 năm gần đây (Mỗi  ứng với 100 đôi)

2019	
2020	
2021	
2022	

- a. Hãy lập bảng thống kê số giày bán trong bốn năm?
b. Hãy cho biết số đôi giày bán trong năm 2020 ?

Bài 4: (1 điểm). Nhân dịp Tết nguyên đán, nhà trường phát động phong trào “Góp đồng tiền nhỏ, vì nghĩa tình lớn”. Lớp 6A có 45 học sinh tham gia quyên góp với 3 mức 10000 đồng, 20000 đồng hoặc 30000 đồng. Có $\frac{1}{5}$ số HS của lớp quyên góp 10000 đồng. Số HS quyên

góp 20000 đồng bằng $\frac{5}{6}$ số học sinh còn lại. Tính:

a) Số học sinh quyên góp 30000 đồng của lớp 6A ?

b) Số học sinh quyên góp 10000 đồng chiếm tỉ lệ bao nhiêu phần trăm học sinh cả lớp .

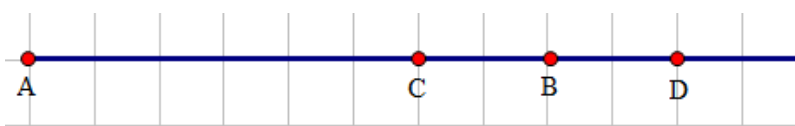
Bài 5: (1,5 điểm) Trên đoạn thẳng $AB = 4\text{cm}$, lấy điểm C sao cho $AC = 3\text{cm}$.

a) Tính độ dài đoạn thẳng BC.

b) Trên tia đối của tia BA lấy điểm D sao cho $BD = 1\text{cm}$. Chứng tỏ rằng điểm B là trung điểm của đoạn thẳng CD.

Bài 6: (0,75 điểm): Cho $A = \frac{1}{2^2} + \frac{1}{3^2} + \frac{1}{4^2} + \frac{1}{5^2} + \dots + \frac{1}{2021^2}$. Chứng minh rằng $A < 1$.

----- **HẾT** -----

	Vậy $x = \frac{1}{12}$										
Bài 3 (0,75 điểm)	a. Bảng thống kê số giấy bán trong 4 năm	0,5									
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>2019</th> <th>2020</th> <th>2021</th> <th>2022</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Số giấy bán được</td> <td>400</td> <td>600</td> <td>300</td> <td>700</td> </tr> </tbody> </table>		Năm	2019	2020	2021	2022	Số giấy bán được	400	600	300
	Năm	2019	2020	2021	2022						
Số giấy bán được	400	600	300	700							
b. Số giấy bán trong năm 2020 là 600	0,25										
Bài 4 (1,0 điểm)	a) Số học sinh quyên góp 10000 đồng là: $45 \cdot \frac{1}{5} = 9$ (học sinh)	0,25									
	Số học sinh quyên góp 20000 đồng là: $(45 - 9) \cdot \frac{5}{6} = 30$ (học sinh)	0,25									
	Số học sinh quyên góp 30000 đồng là: $45 - 9 - 30 = 6$ (học sinh)	0,25									
	b) Tỷ số phần trăm của số học sinh quyên góp 10000 đồng so với số học sinh cả lớp là: $\frac{9 \cdot 100\%}{45} = 20\%$	0,25									
Bài 5 (1,5 điểm)	1. - Vẽ hình đúng	0,25									
		0,5									
	a)- Tính được $BC = 1\text{cm}$	0,25									
	b) Tia BC và tia BD là hai tia đối nhau nên B nằm giữa C và D $BC = BD = 1\text{cm}$	0,25									
	$\Rightarrow B$ là trung điểm của CD	0,25									
Bài 6 (0,75 điểm)	$A = \frac{1}{2 \cdot 2} + \frac{1}{3 \cdot 3} + \frac{1}{4 \cdot 4} + \frac{1}{5 \cdot 5} + \dots + \frac{1}{2021 \cdot 2021}$	0,25									
	$A < \frac{1}{1 \cdot 2} + \frac{1}{2 \cdot 3} + \frac{1}{3 \cdot 4} + \frac{1}{4 \cdot 5} + \dots + \frac{1}{2020 \cdot 2021}$										
	$A < \frac{1}{1} - \frac{1}{2} + \frac{1}{2} - \frac{1}{3} + \frac{1}{3} - \frac{1}{4} + \frac{1}{4} - \frac{1}{5} + \dots + \frac{1}{2020} - \frac{1}{2021}$	0,25									
	$A < 1 - \frac{1}{2021}$ Vậy $A < 1$	0,25									

(Học sinh làm cách khác đúng vẫn được điểm tương đương)

Thời gian làm bài: 90 phút

(không kể thời gian phát đề)

ĐỀ CHÍNH THỨC

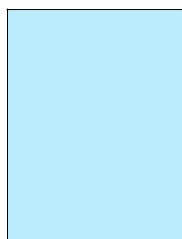
(Đề gồm có 04 trang)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 ĐIỂM)

Học sinh kẻ lại bảng sau vào giấy làm bài để trả lời cho phần trắc nghiệm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Trả Lời												

Câu 1. Cho các hình sau:



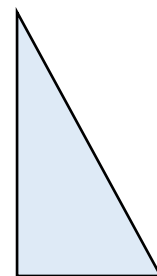
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

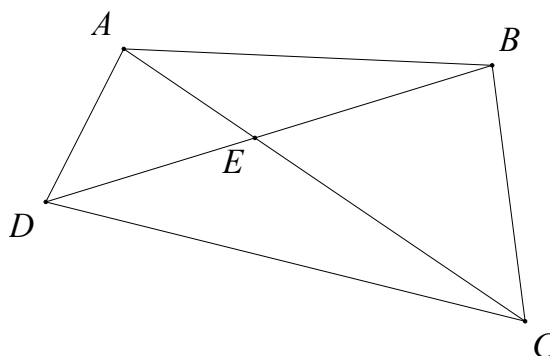
Hình nào trong các hình đã cho là hình có hai trục đối xứng?

- A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

Câu 2. Khẳng định nào sau đây là khẳng định đúng?

- A. $\frac{3}{5} < \frac{2}{3}$ B. $\frac{3}{5} > \frac{2}{3}$ C. $\frac{-3}{5} < \frac{-2}{3}$ D. $\frac{-3}{5} > \frac{2}{3}$

Câu 3. Quan sát hình 5 và chọn khẳng định đúng:



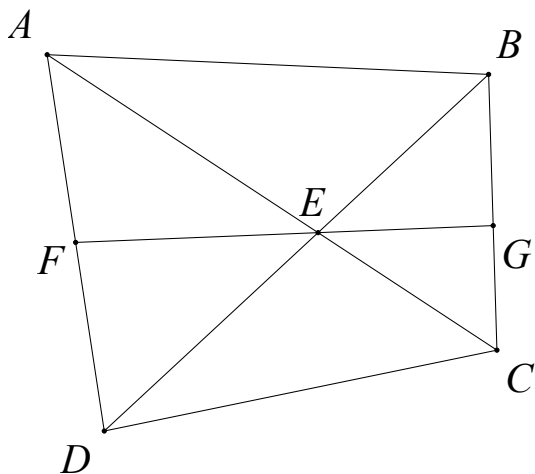
Hình 5

- A. Ba điểm A, B, E nằm trên một đường thẳng.
- B. Ba điểm B, D, E không thẳng hàng.
- C. Ba điểm A, E, C thẳng hàng.
- D. Đường thẳng AB đi qua điểm E.

Câu 4. Trong các số thập phân dưới đây, số nào lớn hơn 3,15?

- A. 3,149
- B. 3,052
- C. -3,599
- D. 3,152

Câu 5. Quan sát hình vẽ sau (hình 6):



Hình 6

Khẳng định nào sau đây là khẳng định **sai**?

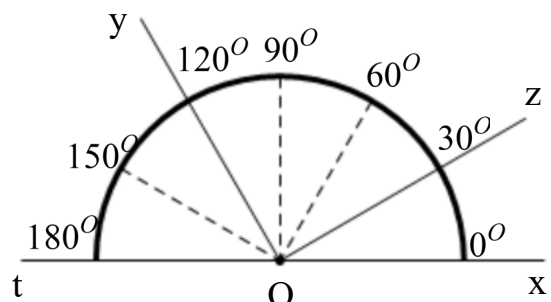
- A. Ba đường thẳng AC, BD, FG cùng đi qua một điểm.
- B. Điểm F nằm giữa điểm A và điểm D.
- C. Điểm E nằm giữa điểm A và điểm B.
- D. Ba điểm B, G, C cùng thuộc một đường thẳng.

Câu 6. 55% được viết dưới dạng số thập phân là:

- A. 5,5
- B. 0,0055
- C. 0,55
- D. 55,00

Câu 7. Quan sát hình 7 và chọn khẳng định đúng.

- A. $\widehat{xOy} = 60^\circ$.
- B. $\widehat{xOz} = 150^\circ$.
- C. $\widehat{zOt} = 30^\circ$.
- D. $\widehat{xOt} = 180^\circ$.



Hình 7

Câu 8. Có tất cả bao nhiêu số thập phân x có một chữ số sau dấu phẩy và thoả mãn:

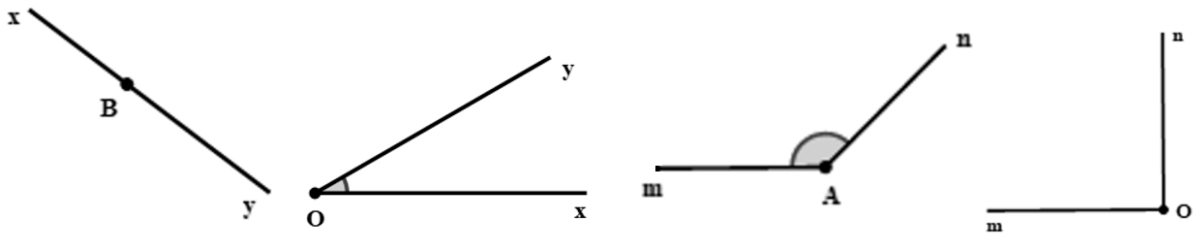
$$5,35 < x < 5,69$$

- A. 1 số. B. 2 số. C. 3 số. D. 4 số.

Câu 9. Tỷ số phần trăm của 2 và 5 là:

- A. 25%. B. 40%. C. 0,4% D. 250%.

Câu 10. Góc nào trong hình 8 là góc vuông?



Hình 8

- A. \widehat{xBy} B. \widehat{xOy} C. \widehat{mAAn} D. \widehat{mOn}

Câu 11. Giá trị $\frac{4}{5}$ của -40 là:

- A. -32 B. -50 C. 32 D. 50

Câu 12. Lớp 6A có 32 học sinh. Số học sinh đạt học lực Tốt trong học kì một của lớp 6A chiếm 81,25% tổng số học sinh của lớp. Số học sinh của lớp 6A đạt học lực Tốt trong học kì một là:

- A. 30 học sinh. C. 6 học sinh.
B. 8 học sinh. D. 26 học sinh.

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 ĐIỂM)

Bài 1. (1,0 điểm) Tính giá trị biểu thức:

$$A = \left(\frac{-2}{3}\right)^2 + \frac{2}{3} \cdot \frac{5}{8}$$

Bài 2. (0,75 điểm) Tính nhanh một cách hợp lí:

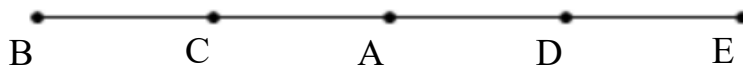
$$B = 3,25 \cdot 5,2 + 3,25 \cdot 3,5 - 2,25 \cdot 8,7$$

Bài 3. (0,75 điểm) Tìm tất cả các số nguyên x thoả mãn: $\frac{3}{4} < \frac{x}{8} < \frac{5}{2}$

Bài 4. (1,0 điểm) Thực hiện phép tính:

$$C = \frac{-3}{5} + \frac{-1}{2} - \frac{2}{5}$$

Bài 5. (2,0 điểm) Cho các điểm A, B, C, D, E có vị trí được minh họa trong hình 9. Biết rằng $AC = 3\text{cm}$, $AD = 3\text{cm}$, $AB = 6\text{cm}$, $DE = 3\text{cm}$.



Hình 9

- Em hãy kể tên 4 đoạn thẳng khác nhau có điểm D là một đầu mút.
- Em hãy cho biết điểm A là trung điểm của những đoạn thẳng nào trong hình.

Bài 6. (0,5 điểm) Tìm a biết 25% của a là 250.

Bài 7. (1,0 điểm) Một nhà sách đang có chương trình khuyến mãi giảm 15% giá tất cả các loại sách. Tại thời điểm nhà sách đang khuyến mãi, bạn An muốn mua một số quyển sách tại đó với giá niêm yết của mỗi quyển sách là 200 000 nghìn đồng.

- Tính số tiền bạn An phải trả nếu mua một quyển sách.
- Biết bạn An mang theo hai tờ tiền mệnh giá 200 000 đồng và một tờ tiền mệnh giá 500 000 đồng. Hỏi bạn An có mang đủ tiền để mua 5 quyển sách không? Vì sao?

---Hết---

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Tìm phương án trả lời đúng của các câu sau

Câu 1. Cách viết nào sau đây là phân số ?

- A. $\frac{1}{1,8}$ B. $-\frac{5}{7}$ C. $\frac{-0,5}{1,2}$ D. $\frac{-13}{0}$

Câu 2. Hai phân số nào bằng nhau?

- A. $\frac{4}{-7}$ và $\frac{-7}{4}$ B. $\frac{2}{9}$ và $\frac{-18}{-81}$ C. $\frac{2}{3}$ và $\frac{-2}{3}$ D. $\frac{4}{5}$ và $\frac{-12}{-25}$

Câu 3. Phân số lớn nhất trong các phân số $\frac{5}{-11}$; $\frac{-3}{11}$; $\frac{-9}{11}$; $\frac{2}{-11}$ là:

- A. $\frac{5}{-11}$ B. $\frac{-3}{11}$ C. $\frac{-9}{11}$ D. $\frac{2}{-11}$

Câu 4. Số nghịch đảo của $\frac{-1}{4}$ là:

- A. -4 B. $\frac{1}{4}$ C. -0,25 D. 4

Câu 5. Tỉ số phần trăm của 5 và 8 là:

- A. 0,625% B. 6,25% C. 62,5% D. 625%

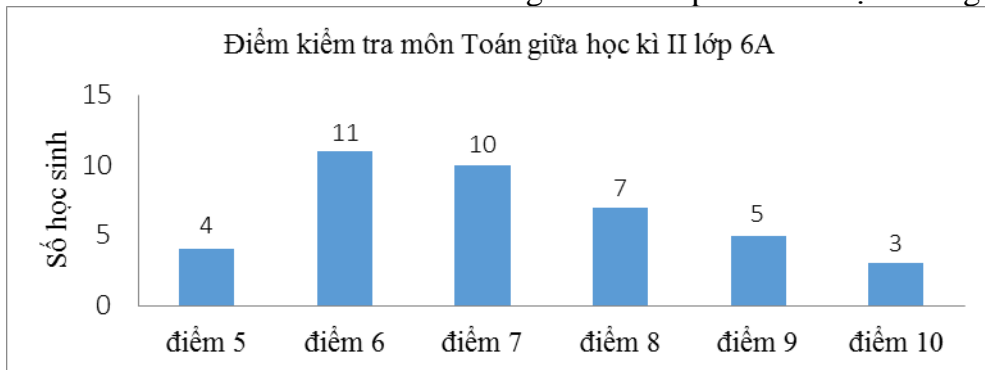
Câu 6. Làm tròn số 74,582 đến hàng phần mười ta được kết quả là:

- A. 74,58 B. 74,5 C. 74,6 D. 75

Câu 7. Gieo con xúc xắc 6 mặt. Kết quả của sự kiện gieo con xúc xắc là:

- A. 6 B. 4 C. 2 D. 0

Câu 8. Cho biểu đồ về điểm kiểm tra môn Toán giữa kì II lớp 6A của một trường THCS:



Chỉ ra cách diễn đạt **không đúng** trong các cách diễn đạt sau:

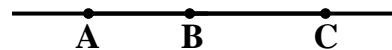
- A. Lớp 6A có 40 học sinh tham gia làm bài kiểm tra.
B. Có 11 học sinh đạt điểm 6.
C. Tất cả các bài kiểm tra đều đạt từ 5 điểm trở lên.
D. Xác suất thực nghiệm số bài kiểm tra đạt điểm 9 và 10 là 12,5%.

Câu 9. Gieo 20 lần một đồng xu. Mặt ngửa xuất hiện 12 lần. Xác suất của sự kiện xuất hiện mặt ngửa là:

- A. 60% B. 40% C. 12 D. 8

Câu 10. Cho hình vẽ, khẳng định nào *sai* trong các khẳng định sau?

- A. Ba điểm A, B, C thẳng hàng.
 B. Có 3 đường thẳng phân biệt là AB, BC và AC.
 C. Hai điểm B và C nằm cùng phía đối với điểm A.
 D. Điểm B nằm giữa hai điểm A và C.



Câu 11. Góc có hai cạnh MP và MQ là góc nào?

- A. góc PMQ B. góc MPQ C. góc PQM D. góc MQP

Câu 12. Góc nào lớn nhất trong các góc sau:

- A. góc nhọn B. góc vuông C. góc tù D. góc bẹt

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính (hợp lí nếu có)

a) $A = \frac{1}{4} - \frac{2}{3}$

b) $B = \frac{-3}{11} \cdot \frac{2}{9} + \frac{-3}{11} \cdot \frac{7}{9}$

c) $C = (-8,5) + 16,35 + (-4,5) + 2,25$

Bài 2. (0,5 điểm) Tìm x biết: $\left(x - \frac{3}{4}\right) + \frac{2}{5} = \frac{1}{2}$

Bài 3. (1,5 điểm) Lớp 6A của một trường THCS có 45 học sinh, cuối học kì I kết quả học tập gồm 3 loại: Tốt, Khá, Đạt (không có học sinh nào xếp loại Chưa đạt). Số học sinh đạt loại Tốt bằng $\frac{1}{3}$ số học sinh cả lớp. Số học sinh xếp loại Khá bằng $\frac{8}{5}$ số học sinh xếp loại Tốt. Còn lại là số học sinh xếp loại Đạt. Tính số học sinh mỗi loại Tốt, Khá, Đạt của lớp 6A?

Bài 4. (2,0 điểm) Cho đoạn thẳng AB = 6 cm. Lấy M nằm giữa A và B sao cho MB = 3 cm.

- a) Vì sao điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB?
 b) Lấy điểm N là trung điểm của đoạn thẳng MB. Tính độ dài đoạn thẳng AN?

Bài 5. (1,0 điểm) Trong hộp có một số bóng xanh và một số bóng đỏ. Lấy ngẫu nhiên một quả bóng từ hộp, xem rồi bỏ lại vào hộp. Lặp lại hoạt động trên 50 lần, ta được kết quả sau:

Loại bóng	Bóng xanh	Bóng đỏ
Số lần	12	38

- a) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy được bóng xanh?
 b) Em hãy dự đoán xem trong hộp loại bóng nào nhiều hơn?

Bài 6. (0,5 điểm) Cho $P = \frac{2}{3} \cdot \frac{4}{5} \cdot \frac{6}{7} \dots \frac{2022}{2023}$. Chứng minh rằng: $P^2 < \frac{1}{1012}$

--- HẾT ---

Họ và tên học sinh: Số báo danh:


HƯỚNG DẪN CHẤM

A. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi câu đúng 0,25 điểm.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
B	B	D	A	C	C	A	D	A	B	A	D

B. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài	Nội dung yêu cầu	Điểm
1 (1,5đ)	Thực hiện phép tính (hợp lí nếu có) a) $A = \frac{1}{4} - \frac{2}{3}$ $A = \frac{3}{12} - \frac{8}{12}$ $A = \frac{-5}{12}$ Vậy $A = \frac{-5}{12}$	0,5 điểm
	b) $B = \frac{-3}{11} \cdot \frac{2}{9} + \frac{-3}{11} \cdot \frac{7}{9}$ $B = \frac{-3}{11} \cdot \left(\frac{2}{9} + \frac{7}{9} \right)$ $B = \frac{-3}{11} \cdot 1$ $B = \frac{-3}{11}$ Vậy $B = \frac{-3}{11}$	0,5 điểm
	c) $C = (-8,5) + 16,35 + (-4,5) + 2,25$ $C = [(-8,5) + (-4,5)] + (16,35 + 2,25)$ $C = -13 + 18,6$ $C = 5,6$ Vậy $C = 5,6$	0,5 điểm
2 (0,5đ)	Tìm x biết: $\left(x - \frac{3}{4} \right) + \frac{2}{5} = \frac{1}{2}$ $x - \frac{3}{4} = \frac{1}{2} - \frac{2}{5}$ $x - \frac{3}{4} = \frac{5}{10} - \frac{4}{10}$	0,5 điểm

Bài	Nội dung yêu cầu	Điểm
	$x - \frac{3}{4} = \frac{1}{10}$ $x = \frac{1}{10} + \frac{3}{4}$ $x = \frac{2}{20} + \frac{15}{20}$ $x = \frac{17}{20}$ <p>Vậy $x = \frac{17}{20}$</p>	
3 (1,5đ)	<p>Lớp 6A của một trường THCS có 45 học sinh, cuối học kì I kết quả học tập gồm 3 loại: Tốt, Khá, Đạt (không có học sinh nào xếp loại Chưa đạt). Số học sinh đạt loại Tốt bằng $\frac{1}{3}$ số học sinh cả lớp. Số học sinh xếp loại Khá bằng $\frac{8}{5}$ số học sinh xếp loại Tốt. Còn lại là số học sinh xếp loại Đạt. Tính số học sinh mỗi loại Tốt, Khá, Đạt của lớp 6A?</p>	
	<p>Giải:</p> <p>Số học sinh xếp loại Tốt là: $45 \cdot \frac{1}{3} = 15$ (học sinh)</p>	0,5 điểm
	<p>Số học sinh xếp loại Khá là: $15 \cdot \frac{8}{5} = 24$ (học sinh)</p>	0,5 điểm
	<p>Số học sinh xếp loại Đạt là: $45 - (15 + 24) = 6$ (học sinh)</p> <p>Vậy, lớp 6A có: 15 HS Tốt, 24 HS Khá, 6 HS Đạt</p>	0,5 điểm
4 (2,0đ)	<p>Cho đoạn thẳng $AB = 6$ cm. Lấy M nằm giữa A và B sao cho $MB = 3$ cm.</p> <p>a) Vì sao điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB?</p> <p>b) Lấy điểm N là trung điểm của đoạn thẳng MB. Tính độ dài đoạn thẳng AN?</p> <p>Giải</p>	
	<p>Vẽ hình đúng</p> 	0,5 điểm
	<p>a) Vì điểm M nằm giữa hai điểm A và B nên:</p> $AM + MB = AB$ <p>Suy ra: $AM + 3 = 6$</p> $AM = 6 - 3 = 3 \text{ (cm)}$	0,5 điểm
	<p>Ta có: $AM = 3$ cm</p> $MB = 3 \text{ cm}$ $AB = 6 \text{ cm}$ $\Rightarrow AM = MB = \frac{1}{2} AB$ <p>Suy ra M là trung điểm của đoạn thẳng AB.</p>	0,5 điểm

Bài	Nội dung yêu cầu	Điểm						
	<p>b) Vì N là trung điểm của đoạn thẳng MB nên</p> $MN = NB = \frac{1}{2}MB = \frac{1}{2}.3 = 1,5(\text{cm})$	0,25 điểm						
	<p>Vì điểm M nằm giữa hai điểm A và N nên:</p> $AM + MN = AN$ <p>Suy ra: $AN = 3 + 1,5 = 4,5(\text{cm})$ Vậy $AN = 4,5\text{ cm}$.</p>	0,25 điểm						
5 (1,0đ)	<p>Trong hộp có một số bóng xanh và một số bóng đỏ. Lấy ngẫu nhiên một quả bóng từ hộp, xem rồi bỏ lại vào hộp. Lặp lại hoạt động trên 50 lần, ta được kết quả sau:</p> <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <thead> <tr> <th>Loại bóng</th> <th>Bóng xanh</th> <th>Bóng đỏ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Số lần</td> <td>12</td> <td>38</td> </tr> </tbody> </table> <p>a) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy được bóng xanh? b) Em hãy dự đoán xem trong hộp loại bóng nào nhiều hơn?</p> <p>Giải:</p>	Loại bóng	Bóng xanh	Bóng đỏ	Số lần	12	38	
	Loại bóng	Bóng xanh	Bóng đỏ					
	Số lần	12	38					
<p>a) Xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy được bóng xanh là:</p> $\frac{12}{50} = 24\%$ <p>Vậy, xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy được bóng xanh là 24%.</p> <p>(Học sinh có thể tính: $\frac{12}{50} = \frac{6}{25}$)</p>	0,5 điểm							
<p>b) Xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy được bóng đỏ là:</p> $100\% - 24\% = 76\%$ <p>Vì $76\% > 24\%$ nên trong hộp loại bóng đỏ có thể nhiều hơn.</p> <p>(HS có thể chỉ trả lời dự đoán bóng đỏ có thể nhiều hơn cũng cho điểm tối đa)</p>	0,5 điểm							
6 (0,5đ)	<p>Cho $P = \frac{2}{3} \cdot \frac{4}{5} \cdot \frac{6}{7} \dots \frac{2022}{2023}$. Chứng minh rằng: $P^2 < \frac{1}{1012}$</p> <p>Giải:</p> <p>Ta có</p> $\frac{2}{3} < \frac{3}{4}$ $\frac{4}{5} < \frac{5}{6}$							

Bài	Nội dung yêu cầu	Điểm
	$\frac{6}{7} < \frac{7}{8}$ <p>...</p> $\frac{2022}{2023} < \frac{2023}{2024}$ $\Rightarrow P < \frac{3}{4} \cdot \frac{5}{6} \cdot \frac{7}{8} \cdots \frac{2023}{2024}$	0,25 điểm
	$P^2 < \frac{2}{3} \cdot \frac{3}{4} \cdot \frac{4}{5} \cdot \frac{5}{6} \cdot \frac{6}{7} \cdot \frac{7}{8} \cdots \frac{2022}{2023} \cdot \frac{2023}{2024}$ $\Rightarrow P^2 < \frac{2}{2024}$ $\Rightarrow P < \frac{1}{1012}$ <p>Vậy $P < \frac{1}{1012}$</p>	0,25 điểm

***Lưu ý:**

- Hướng dẫn chấm chỉ trình bày những ý cơ bản của một cách giải, nếu HS có cách giải khác mà đúng thì vẫn cho điểm tối đa nhưng không vượt quá thang điểm của mỗi ý đó.
- Phân hình học, HS không vẽ hình hoặc vẽ hình sai thì không cho điểm.
- Học sinh làm đến đâu cho điểm tới đó và cho điểm lẻ đến 0,25. Tổng điểm toàn bài bằng tổng điểm của các câu không làm tròn.